**CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHĂN NUÔI**

**BÀI 1: VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA CHĂN NUÔI**

Câu 1: …..là một ngành sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng (cung cấp thịt, trứng, sữa…) đối với đời sống con người và nền kinh tế

A. Trồng trọt. B. Cây trồng. C. Chăn nuôi D. Vật nuôi.

Câu 2: Công nghệ nào sau đây được ứng dụng trong công tác giống vật nuôi?

A. Cấy truyền phôi. B. Thu gom trứng tự động.

C. Hệ thống Biogas. D. Công nghệ cảm biến.

Câu 3: Người ta ứng dụng thành tựu công nghệ thụ tinh nhân tạo trong công tác giống nhằm mục đích gì?

A. Rút ngắn thời gian tạo giống. B. Giải phóng sức lao động.

C. Phát hiện sớm giới tính vật nuôi. D. Giảm số lượng đực giống.

Câu 4: Người ta ứng dụng thành tựu công nghệ gene trong công tác giống nhằm mục đích gì?

A. Tăng nhanh đàn bò sữa, bò thịt. B. Giải phóng sức lao động.

C. Phát hiện sớm giới tính vật nuôi. D. Giảm số lượng đực giống.

Câu 5: Người ta ứng dụng thành tựu máy vắc sữa, thu gom trứng tự động trong chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm mục đích gì?

A. Tăng độ chính xác và khoa học. B. Tăng nhanh đàn bò sữa, bò thịt.

C. Giảm số lượng đực giống. D. Phát hiện sớm giới tính vật nuôi.

Câu 6: Chất thải chăn nuôi được xử lí bằng công nghệ biogas, chế phẩm sinh học nhằm mục đích gì?

A. Giảm số lần vệ sinh chuồng. B. Tăng chất lượng sản phẩm vật nuôi.

C. Giải số lượng đực giống. D. Giảm ô nhiễm môi trường.

Câu 7: Theo “Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045” của Thủ tướng Chính phủ ở năm 2025, sản lượng thịt bình quân trên đầu người/năm là bao nhiêu?

A. 58 - 62 kg. B. 30 - 40 kg. C. 40 - 50 kg. D. 50 - 55 kg.

Câu 8: Việc cấy phôi từ bò mẹ cao sản sang những con bò khác nhờ những con bò này mang thai hộ, là công nghệ nào?

A. Thụ tinh nhân tạo. B. Công nghệ gene.

C. Cấy truyền phôi. D. Chuyển đoạn gene.

Câu 9: Công nghệ tắm chải tự động là một trong những thành tựu nổi bậc của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi thuộc lĩnh vực:

A. Công tác giống. B. Nuôi dưỡng, chăm sóc.

C. Xử lí chất thải. D. Bảo vệ môi trường.

Câu 10: Công nghệ nào sau đây được ứng dụng trong xử lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

A. Thụ tinh nhân tạo. B. Công nghệ gene.

C. Robót đẩy thức ăn. D. Đệm lót sinh học.

Câu 11: Khi nói về thành tựu trong công tác giống vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai:

a. Công nghệ cấy truyền phôi (đ)

b. Công nghệ thụ tinh nhân tạo (đ)

c. Ứng dụng công nghệ gene (đ)

d. Tự động hóa trong việc cho ăn, tắm rửa vật nuôi,.. (s)

Câu 12: Khi nói về thành tựu trong xử lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Bảo vệ sức khỏe người (đ)

b. Mang lại hiệu quả kinh tế cho nười chăn nuôi (đ)

c. Chủ động lựa chọn giới tính (s)

d. Rút ngắn thời gian chọn tạo giống (s)

Câu 13: Khi nói về các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong chăn nuôi đến năm 2030 tầm nhìn 2045. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Phát triển công nghệ sản xuất giống vật nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi và công nghệ chuồng trại, xử lí chất thải nhằm đảm bảo sức khỏe sức khỏe vật nuôi và cộng đồng, đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi, giảm phát thải khí nhà kính. (đ)

b. Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến,…theo chuỗi từ trang trại đến bàn ăn. (đ)

c. Phát triển công nghệ sản xuất giống vật nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi và công nghệ chuồng trại, xử lí chất thải nhằm chỉ đảm bảo sức khỏe sức khỏe vật nuôi. (s)

d. Phát triển công nghệ sản xuất giống vật nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi và công nghệ chuồng trại, xử lí chất thải nhằm đảm bảo sức khỏe sức khỏe vật nuôi và cộng đồng, đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi, tăng phát thải khí nhà kính. (s)

Câu 14: khi nói về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Có sức khoẻ tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm cao trong công việc (đ)

b. Phải có bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực chăn nuôi (s)

c. Có kiến thức, kĩ năng về chăn nuôi và an toàn lao động. (đ)

d. Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. (đ)

Câu 15: Khi nói về vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cung cấp thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. (đ)

b. Cung cấp các tế bào, mô, cơ quan, động vật sống cho các nghiên cứu khoa học (đ)

c. Cung cấp sức kéo cho canh tác, khai thác, vận chuyển. (đ)

d. Cung cấp giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất cao. (s)

**BÀI 2: VẬT NUÔI VÀ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI**

Câu 1: Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: gà Đông Tảo, bò Bảy Núi, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang,… được gọi là

A. vật nuôi ngoại nhập. B. Vật nuôi bản địa.

C. vật nuôi lai tạo. D. vật nuôi cải tiến.

Câu 2: Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: bò Red Sindhi, dê Beetal, lợn Yorkshire, vịt Anh Đào,… được gọi là

A. vật nuôi ngoại nhập. B. Vật nuôi bản địa.

C. vật nuôi lai tạo. D. vật nuôi cải tiến.

Câu 3: Bò được gọi là gia súc nhai lại là thuộc kiểu phân loại nào dưới đây?

A. Phân loại theo vùng miền. B. Phân loại theo nguồn gốc.

C. Phân loại theo mục đích sử dụng. D. Phân loại theo đặc tính sinh vật học.

Câu 4: Phân loại theo đặc tính sinh vật học, gà, vịt được gọi là

A. gia súc. B. gia cầm.

C. vật nuôi đẻ con. D. thủy sản.

Câu 5: Cho các vật nuôi sau: bò sữa, khỉ làm xiếc, chó cảnh,… là thuộc cách phân loại nào?

A. Phân loại theo vùng miền. B. Phân loại theo nguồn gốc.

C. Phân loại theo mục đích sử dụng. D. Phân loại theo đặc tính sinh vật học.

Câu 6: Cho các phương thức chăn nuôi sau:

1. Chăn thả tự do. 2. Chăm nuôi công nghiệp.

3. Chăn nuôi thông minh. 4. Chăn nuôi bán công nghiệp.

5. Chăn nuôi bền vững

Có mấy phương thức trên là phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam?

A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7: Xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới là:

1. Chăn thả tự do. 2. Chăm nuôi công nghiệp.

3. Chăn nuôi thông minh. 4. Chăn nuôi bán công nghiệp.

5. Chăn nuôi bền vững

Những ý đúng là?

A. 2, 3, 5. B. 2, 3, 4, 5. C. 3,5. D. 1, 2, 3, 4, 5.

Câu 8: Hình thức chăn nuôi nào có đặc điểm “Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, không bị ngược đãi, được tự do thể hiện các tập tính tự nhiên”

A. Chăn nuôi công nghiệp. B. Chăn nuôi thông minh.

C. Chăn nuôi bền vững. D. Chăn thả tự do.

Câu 9 : Đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững

(1)Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt,tự do thể hiện tập tính.

(2)Người chăn nuôi có lợi nhuận.

(3) Môi trường được bảo vệ.

(4) sản phẩm kém chât lượng ,không an toàn.

(5) Sản phẩm chất lượng, an toàn ,giá cả hợp lí.

(6) Đảm bảo hài hoà về lợi ích người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi, bảo vệ môi trường.

A.1,2,3 B.1,2,5,6 C.1,2,4,6 D.1,2,3,5,6

Câu 10: Kiểu chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, thiết bị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi sẽ có đặc điểm nào dưới đây?

A. Không áp dụng các công nghệ thông minh như công nghệ cảm biến,…

B. Công nghệ được lựa chọn chỉ phù hợp đối với các vùng có nền kinh tế phát triển.

C. Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”.

D. Sản phẩm chăn nuôi an toàn nên giá cả rất cao.

Câu 11: Khi nói về cách phân loại vật nuôi thường gặp trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Phân loại theo vùng miền. (s)

b. Phân loại theo nguồn gốc. (đ)

c. Phân loại theo mục đích sử dụng. (đ)

d. Phân loại theo đặc tính sinh vật học. (đ)

Câu 12: Khi nói về đặc điểm cơ bản “Sản phẩm chăn nuôi an toàn, giá cả hợp lý, giúp ngành chăn nuôi phát triển bền vững”. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chăn nuôi công nghiệp. (s)

b. Chăn nuôi thông minh. (đ)

c. Chăn nuôi bán công nghiệp. (s)

d. Chăn thả tự do. (s)

Câu 13: Khi nói về hình thức chăn nuôi thông minh, có sự liên kết của 5 nhà. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nhà nước, Nhà nông, Nhà doanh nghiệp, Nhà khoa học, Nhà băng (Ngân hàng). (đ)

b. Nhà nước, Nhà nông, Nhà doanh nghiệp, Nhà khoa học, Nhà tiêu thụ. (s)

c. Nhà nước, Nhà nông, Nhà doanh nghiệp, Nhà tiêu thụ, Nhà băng. (s)

d. Nhà nước, Nhà nông, Nhà tiêu thụ, Nhà khoa học, Nhà băng. (s)

Câu 14: Khi nói về hình thức chăn nuôi có đặc điểm “ Luôn đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường”. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chăn nuôi công nghiệp. (s)

b. Chăn nuôi thông minh. (đ)

c. Chăn nuôi bền vững. (s)

d. Chăn thả tự do. (s)

Câu 15: Khi nói về phân loại theo nguồn gốc vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Vật nuôi gồm 3 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi lai tạo, vật nuôi ngoại nhập. (s)

b. Vật nuôi gồm 2 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi ngoại nhập. (đ)

c. Vật nuôi gồm 3 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi nhập nội, vật nuôi cải tiến. (s)

d. Vật nuôi gồm 2 nhóm chính: Vật nuôi cải tiến và vật nuôi ngoại nhập. (s)

**CHƯƠNG II: CÔNG NGHỆ GIỐNG VẬT NUÔI**

**BÀI 3. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI**

Câu 1: Giống vật nuôi là:

A. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.

C. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người.

D. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

Câu 2: Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi là?

A. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau.

B. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.

C. Có một số lượng cá thể không ổn định.

D. Ngoại hình và năng suất giống nhau không phân biệt với giống khác.

Câu 3: Chọn phát biểu đúng về công tác giống vật nuôi

A. Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cần làm tốt công tác việc chọn lọc và nhân giống để tạo ra các giống vật nuôi có năng suất và chất lượng ngày càng tốt hơn.

B. Công tác giống vật nuôi trong chăn nuôi là không cần thiết.

C. Chỉ cần chọn lọc tạo ra một giống vật nuôi tốt nhất.

D. Giống vật nuôi cho năng suất cao không cần thay thế trong tương lai.

Câu 4: “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi:

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 5: “Giống lợn Landrace có tỉ lệ thịt nạc cao trong khi đó lợn Ỉ lại có tỉ lệ nạc thấp, tỉ lệ mỡ cao” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi.

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

D. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

Câu 6: Chọn phát biểu đúng

A. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

C. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất như nhau.

D. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất khác nhau.

Câu 7: Hãy so sánh năng suất và chất lượng sản phẩm của vật nuôi trong bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| Gà Ri | Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm |
| Gà Leghorn | Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm |
| Trâu Việt Nam | Hàm lượng mỡ sữa chiếm 9 - 12% |
| Trâu Murrah | Hàm lượng mỡ sữa chiếm 7 - 9% |

A. Hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam thấp hơn so với trâu Murrah.

B. Năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp ba so với gà Ri.

C. Năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp đôi so với gà Ri.

D. Hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam cao hơn gấp đôi so với trâu Murrah.

Câu 8: Đặc điểm cơ bản của giống Lợn Móng Cái là?

A. Lợn có đầu màu đen, có điểm trắng giữa trán, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tại nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ

B. Lợn có lông màu đen, có điểm trắng giữa trán, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tại nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ

C. Lợn lông màu trắng, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tại nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ

D. Lợn có lông vàng nhạt, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tại nhỏ và nhọn, lưng thẳng, bụng hơi xệ.

Câu 9: Cho bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| Gà Ri | Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm |
| Gà Leghorn | Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm |
| Gà Mía | Năng suất trứng đạt 70 - 100 quả/mái/năm |
| **Gà Ai cập** | Năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/mái/năm |

Nếu nuôi gà để lấy trứng em sẽ chọn loại gà nào ?

A. Gà Ri B. Gà Ai Cập C. Gà Leghorn D. Gà Mía

Câu 10: Cho bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| bò sữa HF | Năng suất sữa từ 5000 - 8000 kg /chu kỳ |
| bò sữa Jersey thuần chủng | Năng suất sữa từ 4000 kg/chu kỳ |
| Bò sữa lai HF | Năng suất sữa từ 7000 - 8400 kg/ 2 chu kỳ. |
| Bò **Brown Swiss** | Năng suất sữa từ 3500 - 4000 kg/chu kỳ. |

Nếu nuôi bò để lấy sữa , em sẽ chọn giống bò nào

A. Brown Swiss B. Bò lai HF C. Jersey D. Bò sữa HF

Câu 11: Dựa vào mục đích khai thác chia giống vật nuôi thành các nhóm phù hợp. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Gồm giống chuyên dụng là giống chỉ khai thác theo một hướng nào đó như chuyên đẻ trứng, chuyên thịt, chuyên sữa. (đ)

b. Gồm giống kiêm dụng là giống được khai thác theo nhiều hướng khác nhau như vừa đẻ trứng vừa cho thịt. (đ)

c. Gồm giống nội (giống vốn có của địa phương). (s)

d. Giông nhập nội (giống từ nước ngoài). (s)

Câu 12: Khi nói về cách phân loại giống vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Dựa vào nguồn gốc gồm giống nội và giống nhập nội. (đ)

b. Dựa vào mức độ hoàn thiện gồm giống nguyên thuỷ, giống quá độ, giống gây thành. (đ)

c. Dựa vào công dụng khai thác gồm giống chuyên dụng, giống kiêm dụng. (s)

d. Dựa vào ý nghĩa khai thác gồm giống chuyên dụng, giống kiêm dụng. (s)

Câu 13: Khi nói về điều kiện để công nhận giống vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Các vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc. (đ)

b. Các vật nuôi có ngoại hình, năng suất giống nhau. (đ)

c. Các vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc hoặc khác nguồn gốc. (s)

d. Các vật nuôi có ngoại hình, năng suất giống nhau hoặc có thể khác nhau. (s)

Câu 14: Khi nói về vai trò của giống trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Giống quyết định đến năng suất trong chăn nuôi. (đ)

b. Giống quyết định đến sản phẩm trong chăn nuôi. (đ)

c. Giống không ảnh hưởng đến năng suất mà cách chăm sóc mới quyết định chính đến năng suất trong chăn nuôi. (s)

d. Giống quyết định đến sản phẩm trong chăn nuôi và ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi. (đ)

Câu 15: Khi nói về giống quyết định đến năng suất trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất khác nhau. (đ)

b. Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất như nhau. (đ)

c. Giống quyết định đến sản phẩm trong chăn nuôi và ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi. (s)

d. Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho phẩm chất khác nhau. (s)

**BÀI 4: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI**

Câu 1: Khi chọn giống vật nuôi người chăn nuôi thường dựa vào những tiêu chí cơ bản nào?

A. Ngoại hình, thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Chu kỳ động dục.

###### B. Ngoại hình, thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Sức sản xuất.

C. Ngoại hình, thể chất, Chu kỳ động dục, Sức sản xuất, sức kéo.

D. Ngoại hình, thể chất, Chu kỳ động dục, Sức sản xuất, khả năng tăng cân.

Câu 2: Nội dung nào sau đây thể hiện sức sản xuất của vật nuôi ?

A. Khả năng tiêu tốn thức ăn B. Tốc độ tăng khối lượng cơ thể.

C. Tốc độ phát triển hoàn thiện. D. Khả năng sinh sản.

Câu 3: Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

A. Quyết định đến năng suất của vật nuôi, chất lượng của sản phẩm.

B. Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

###### C. Quyết định khả năng sản xuất sữa của bò.

D. Quyết định tỉ lệ mỡ sữa của bò, chu kỳ cho sữa.

Câu 4: Chọn phát biểu không đúng về thể chất của vật nuôi ?

###### A. Thể chất được đánh giá dựa vào tốc độ tăng khối lượng cơ thể

B. Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi

C. Thể chất có liên quan đến sức sản xuất và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường sống của vật nuôi

D. Thể chất được hình thành bở tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể của vật nuôi

Câu 5: Có mấy phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến?

A. 1   B. 2     C. 3   D. 4

Câu 6: Thế nào là chọn lọc hàng loạt?

###### A. Chọn lọc hàng loạt là dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.

B.  Chọn lọc hàng loạt là chỉ dựa vào ngoại hình để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.

C.  Chọn lọc hàng loạt là chỉ dựa vào chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.

D.  Chọn lọc hàng loạt là dựa vào phả hệ của vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.

Câu 7: Đâu là ưu điểm của chọn lọc cá thể ?

A. Thời gian chọn lọc nhanh. B. Hiệu quả chọn lọc cao.

###### C. Chi Phí thấp. D. Dễ thực hiện.

**Câu 8:** Đâu không phải biểu hiện của thế chất?

A. Hiệu quả sử dụng thức ăn. B. Kích thước cơ thể. C. Tốc độ lớn. D. Sức khỏe.

Câu 9: Đâu không phải nhược điểm của chọn lọc hàng loạt ?

A. Hiệu quả chọn lọc không cao. B. Cần có kỹ thuật. C. Tốn thời gian. D. Chi phí cao.

Câu 10: Trong phương pháp chọn lọc cá thể việc làm nào sau đây là nội dung của bước 2 chọn lọc bản thân ?

###### A. Đánh giá ngoại hình, thể chất con vật.

###### B. Đánh giá nguồn gốc của con vật.

C. Đánh giá khả năng sinh trưởng của vật nuôi.

D. Đánh giá khả năng phát dục của vật nuôi.

**Câu 11:** Khi nói về chọn giống vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai ?

a. Chọn một con bất kì trong đàn giống đều được. (s)

b. Chọn một con có tiềm năng di truyền xấu. (s)

c. Chọn những con có tính trạng tốt nhiều hơn tính trạng xấu. (s)

d. Chọn những con có tiềm năng di truyền vượt trội với những tính trạng mong muốn. (đ)

**Câu 12:** Khi nói về sinh trưởng ở vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Sinh trưởng là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật. (đ)

b. Sinh trưởng là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật. (s)

c. Sinh trưởng là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống. (s)

d. Sinh trưởng là mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật. (s)

**Câu 13:** Khi nói về thể chất vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Thể chất là mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật. (s)

b. Thể chất là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật. (s)

c. Thể chất là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống. (s)

d. Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật. (đ)

**Câu 14:** Khi nói về phát dục của vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống. (s)

b. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật. (s)

c. Là quá trình biến đổi chất lượng các cơ quan bộ phận trong cơ thể. (đ)

d. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật. (s)

Câu 15: Khi nói về ưu điểm của chọn lọc hàng loạt. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

###### a. Nhanh, dễ thực hiện. (đ)

###### b. Hiệu quả cao. (s)

###### c. Số lượng chọn lọc ít. (s)

###### d. Cần có kĩ thuật. (s)

**BÀI 5: NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI**

Câu 1: Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống thuần chủng để thiết lập và duy trì các tính trạng ổn định mà con vật sẽ truyền cho thế hệ tiếp theo. Đây là gì?

A. Nhân giống thuần chủng B. Lai giống

C. Giống thuần chủng D. Lai cải tạo

Câu 2: Là giống có đặc tính di truyền đồng nhất và ổn định, các thế hệ con cháu sinh ra giống với thế hệ trước. Đây là giống nào?

A. Giống thuần chủng B. Giống Lai

C. Giống mới D. Giống nhập nội

Câu 3: Một số giống vật nuôi như lợn Ỉ, lợn cỏ, lợn Mẹo… hiện nay số lượng rất ít. Trong trường hợp này phải nhân giống thuần chủng nhằm mục đích gì?

A. Để nạc hóa đàn lợn

B. Bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm

C. Làm nguyên liệu cho các chương trình lai tạo.

D. Duy trì tính trạng tốt của giống địa phương

Câu 4: Ưu thế lai trong nhân giống vật nuôi có tác dụng:

A. Làm tăng sức sống và khả năng sản xuất ở đời con

B. Kiểm tra đực giống ở đời sau

C. Phát triển số lượng vật nuôi ở đàn giống

D. Củng cố những tính trạng thoái hóa ở giống

# Câu 5: Phương pháp lai xa có nhược điểm nào sau đây?

# А. Khó lai và con lai không có khả năng sinh sản hữu tính

# B. Tạo ra hiện tượng thoái hóa giống

# C. Con lai có tỉ lệ dị hợp thấp

# D. Con lai xa có sức sống kém hơn bố mẹ

Câu 6: “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

A. lai cải tiến B. lai kinh tế C. lai thuần chủng D. Lai xa

Câu 7: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hổ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai kinh tế phức tạp B. Lai kinh tế đơn giản

C. Lai cải tiến D. Lai thuần chủng

Câu 8: Bò Hà Lan có đặc tính cho sản lượng sữa cao. Nhưng số lượng nhập về nước không nhiều các nhà ngiên cứu giống đã dùng phương pháp nhân giống nào để tạo ra nhiều bò Hà Lan

A. Bò đực Hà Lan x Bò cái Hà Lan B. Bò đực Hà Lan x Bò cái Lai Sin

C. Bò đực Hà Lan x Bò cái vàng Việt Nam D. Bò đực Hà Lan x Bò cái Lai

Câu 9: Em hãy giúp bác An lai tạo cặp giống Lợn nào sau đây để tăng năng suất phẩm chất lợn nội (vừa thích nghi ở địa phương và cho sản phẩm thịt ,...)

A. Lợn nái Móng Cái x Lợn đực Landrace B. Lợn nái Móng Cái x Lợn đực Móng Cái

C. Lợn nái Ba Xuyên x Lợn đực Ba Xuyên D. Lợn nái Móng Cái x Lợn đực Ba Xuyên

Câu 10: Bò Vàng có khả năng thích nghi với điều kiện địa phương nhưng tầm vóc và khối lượng nhỏ, lượng sữa ít, không thể nuôi để làm sản phẩm hàng hóa rộng rãi được, vì vậy cần phải cải tạo. Nếu muốn cải tạo theo hướng lấy sữa nên cho lai với giống bò nào sau đây?

A. Red Sindh B. Charslaise C. Holstein Friesian D. Bò 3B

Câu 11: Khi nói về lai kinh tế đơn giản. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Lai giữa hai giống và con lai nuôi lấy sản phẩm (đ)

b. Lai từ hai hay nhiều giống và con lai sử dụng làm giống (s)

c. Lai giữa hai giống và con lai sử dụng làm giống (s)

d. Lai từ ba giống trở lên và con lai nuôi lấy sản phẩm (s)

Câu 12: Khi nói về lai xa. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Lai xa là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn. (s)

b. Lai xa là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn. (s)

c. Lai xa là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ. (đ)

d. Lai xa là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến. (s)

Câu 13: Khi nói về lai giống. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Là cho giao phối giữa con đực và cái cùng giống,đời con mang đặc tính di truyền của giống đó (s)

b. Là cho giao phối giữa con đực và cái cùng giống ,con lai mang tính trạng di truyền mới tốt hơn bố mẹ (s)

c. Là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau (đ)

d. Là cho giao phối giữa các cá thể khác giống, đời sau mang tính trạng di truyền giống đó (s)

Câu 14: Khi nói về mục đích của lai giống. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a.Tăng số lượng cá thể của giống (s)

b.Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng (s)

c. Bổ sung các tính trạng tốt các giống khác nhau và khai thác ưu thế lai ở đời con (đ)

d.Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống (s)

Câu 15: Khi nói về mục đích của nhân giống thuần chủng. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi. (s)

b. Tăng số lượng cá thể của giống (đ)

c. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng (đ)

d. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống (đ)

## **BÀI 6: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG CHỌN VÀ NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI**

Câu 1: Thụ tinh nhân tạo là gì?

A. là quá trình trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm.

B. là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con đực để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái.

C. là quá trình đưa phôi từ các thể cái này vào cá thể cái khác, phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể nhận phôi.

D. là việc sử dụng kĩ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi.

Câu 2: Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

A. 4 B. 3 C. 1 D. 2

Câu 3: Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong nhân giống vật nuôi bao gồm?

A. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản vô tính.

B.  Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nuôi cấy gen.

C.  Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản gen.

D.  Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, cấy truyền ADN.

Câu 4: Điểm giống nhau giữa hai phương pháp cấy truyền phôi áp dụng kĩ thuật gây rụng nhiều trứng và kĩ thuật phân tách phôi là?

A. phổ biến những đặc tính tốt của con cái, tăng nhanh số lượng đàn vật nuôi.

B. phổ biến những đặc tính tốt của con đực giống cho đàn con.

C. Trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong ống nghiệm.

D. Tạo ra những cá thể giống hệt nhau về mặt di truyền

Câu 5: Có mấy kĩ thuật cấy truyền phôi, đó là những kĩ thuật nào?

A. có ba kĩ thuật cấy truyền phôi đó là kỹ thuật gây rụng nhiều trứng và kĩ thuật phân tách phôi, kĩ thuật phân tách trứng.

B. có hai kĩ thuật cấy truyền phôi đó là kỹ thuật gây rụng nhiều trứng và kĩ thuật phân tách trứng.

C. có hai kĩ thuật cấy truyền phôi đó là kỹ thuật gây rụng nhiều trứng và kĩ thuật phân tách phôi.

D. có bốn kĩ thuật cấy truyền phôi đó là kỹ thuật gây rụng nhiều trứng, kĩ thuật gây động dục đồng pha, kĩ thuật phân tách phôi, kĩ thuật phân tách trứng.

Câu 6: Cho các ý sau:

1. Cấy phôi vào cơ thể vật nuôi

2. Hút trứng từ buồng trứng của con cái, nuôi trứng trưởng thành

3. Cho trứng và tinh trùng thụ tinh

4. Lấy tinh trùng từ con đực

5. Nuôi cấy phôi

6. Nuôi cấy trứng trong phòng thí nghiệm

Sắp xếp thứ tự đúng các công việc cần làm để tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm

A. 2; 4; 6; 3; 5; 1 B. 2; 6; 4; 3; 5; 1

C. 2; 3; 4; 5; 6; 1 D. 1; 6; 4; 3; 5; 2

Câu 7: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hổ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai kinh tế phức tạp B. Lai kinh tế đơn giản

C. Lai cải tiến D. lai thuần chủng

Câu 8: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến B. Lai thuần chủng

C. Lai kinh tế phức tạp D. Lai kinh tế đơn giản

Câu 9: “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến B. Lai kinh tế C. Lai thuần chủng D. Lai xa

Câu 10: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của thụ tinh trong ống nghiệm?

A. tạo ra nhiều phôi.

1. có tác dụng phổ biến nhanh những đặc tính tốt của cá thể, của giống.

C. tăng khoảng cách thế hệ vật nuôi.

D. là cơ sở cho công nghệ cấy truyền nhân và cấy truyền gene.

Câu 11: Khi nói về thụ tinh trong ống nghiệm. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. là quá trình đưa phôi từ các thể cái này vào cá thể cái khác, phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể nhận phôi. (s)

b. là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con Đọc để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái. (s)

c. là quá trình trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm. (đ)

d. là việc sử dụng kĩ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi. (s)

Câu 12: Khi nói về các bước thụ tinh trong ống nghiệm ở bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Hút tế bào trứng từ buồng trứng -> Nuôi để trứng phát triển và chín -> Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang (đ)

b. Hút tế bào trứng từ buồng trứng -> Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang (s)

c. Nuôi để trứng phát triển và chín -> Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang (s)

d. Hút tế bào trứng từ buồng trứng -> Nuôi để trứng phát triển và chín -> Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi nang (s)

Câu 13: Khi nói về ưu điểm của thụ tinh nhân tạo. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Phổ biến những đặc điểm tốt của con được giống cho đàn con (s)

b. giảm số lượng là thời gian sử dụng đực giống (s)

c. Đưa nhiều đặc điểm tốt của con đực giống cho đàn con và giảm thời gian sử dụng đực giống (s)

d. Phổ biến những đặc điểm tốt của con được giống cho đàn con, giảm số lượng là thời gian sử dụng đực giống (đ)

Câu 14: Khi nói về các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính. (s)

b. Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính. (đ)

c. Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính. (s)

d. Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính. (s)

Câu 15: Khi được học về ứng dụng CNSH trong chọn và nhân giống vật nuôi. Các phát biểu sau đây là đúng hay sai?

a. Nhân bản vô tính được ứng dụng trong công tác bảo tồn và phát triển các giống vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng. (d)

b. Cấy truyền phôi có ý nghĩa trong công tác bảo tồn vật nuôi quý hiếm. (đ)

c. Thụ tinh trong ống nghiệm có tác dụng tạo ra nhiều phôi, phổ biến nhanh những đặc điểm di truyền tốt của vật nuôi. (đ)

d. Nhược điểm của thụ tinh nhân tạo là khó phòng tránh được các bệnh về đường sinh dục và các bệnh truyền nhiễm qua đường sinh dục. (s)

**CHƯƠNG III: CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

**BÀI 7: THỨC ĂN VÀ NHU CẦU DINH DƯỠNG CỦA VẬT NUÔI**

Câu 1: Thành phần chính của thức ăn chăn nuôi?

A. Nước, chất vô cơ B. Nước, chất hữu cơ

C. Chất vô cơ, hữu cơ D. Nước, chất khô

Câu 2: Thức ăn giàu protein có vai trò như thế nào đối vật nuôi ?

A. Cung cấp năng lượng cho hoạt động sống vật nuôi

B. Là nguyên liệu để tổng hợp các protien của cơ thể

C. Tham gia cấu trúc xương, cấu trúc một số enzim chức năng

D. Điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể

Câu 3: Khoáng đa lượng gồm các nguyên tố:

A. Ca, P, Mg, Cl, Cu B. Ca, P, Mg, Cl, Na

C. Ca, P, Mg, Cl, Zn D. Ca, P, Mg, Na, Co

Câu 4: Lạc, đậu tương thuộc nhóm thức ăn nào?

A. Giàu năng lượng B. Giàu protein C. Giàu khoáng D. Giàu vitamin

Câu 5: Trong 1 kg rau muống chứa bao nhiêu gam lipid ?

A. 15 B. 7 C. 10 D. 17

Câu 6: Nhà bác 6 đang thiết lập khẩu phần ăn của mỗi lợn nái gồm cám gạo, bột cá, khô dầu lạc tương ứng tiêu chuẩn các loại thức ăn:

A. Giàu protein, vitamin B. Giàu khoáng, protein

C. Giàu năng lượng, protein D. Giào năng lượng, khoáng

Câu 7: Chỉ số dinh dưỡng nào là thành phần cấu trúc bắt buộc cho một số enzim xúc tác cho các phản ứng sinh hóa trong tế bào?

A. Năng lượng B. Protein

C. Khoáng đa lượng D. Khoáng vi lượng

Câu 8: Nhu cầu vitamin trong chỉ số dinh dưỡng biểu thị tiêu chuẩn ăn được tính bằng:

A.kcal B. mg/ kg C. % D. g/kg

Câu 9: Vai trò của thức ăn chăn nuôi:

1. Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động
2. Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết
3. Tổng hợp các hoạt chất sinh học
4. Duy trì thân nhiệt
5. Tạo ra sản phẩm chất nuôi

A. (1), (2), (3) B. (1), (2), (3), (4)

C. (2), (3), (5) D. (1), (2), (5)

Câu 10: Trong 1kg cây ngô non chứa nhiêu gam nước?

A. 498 B. 869,4 C. 869,8 D. 119

Câu 11: Khi nói về thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chứa đầy đủ cân đối chất dinh dưỡng (đ)

b. Chứa cân đối chất dinh dưỡng thiếu năng lượng (s)

c. Chứa cân đối chất dinh dưỡng thiếu protein (s)

d. Chứa cân đối chất dinh dưỡng thiếu vitamin (s)

Câu 12: Dựa vào kiến thức về thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Khẩu phần ăn vật nuôi là tiêu chuẩn ăn cụ thể hóa bằng các loại thức ăn xác định với khối lượng hoặc tỉ lệ nhất định. (đ)

b. Tiêu chuẩn ăn là mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. (s)

c. Nhu cầu dinh dưỡng vật nuôi của vật nuôi là lượng chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống. (s)

d. Nhu cầu dinh dưỡng vật nuôi của vật nuôi là lượng chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để tạo ra sản phẩm. (s)

Câu 13: Khi nói về vai trò của thức ăn giàu vitamin đối vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cung cấp năng lượng cho hoạt động sống vật nuôi (s)

b. Là nguyên liệu để tổng hợp các protien của cơ thể (s)

c. Tham gia cấu trúc xương, cấu trúc một số enzim chức năng (s)

d. Điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể (đ)

Câu 14: Khi nói về tính kinh tế trong nguyên tắc phối hợp khẩu phần ăn. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Đảm bảo đúng tiêu chuẩn (s)

b. Phù hợp khẩu vị (s)

c. Phù hợp đặc điểm sinh lí (s)

d. Sử dụng tối đa nguồn nguyên liệu có sẵn địa phương (đ)

Câu 15: Khi nói về chất vô cơ trong thành phần dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chất vô cô gồm: khoáng đa lượng (s)

b. Chất vô cô gồm: khoáng vi lượng (s)

c. Chất vô cô gồm: khoáng đa lượng, protein (s)

d. Chất vô cô gồm: khoáng đa lượng, vi lượng (đ)

**BÀI 8: SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Câu 1: Nguyên liệu nào sau đây có thể sử dụng cho phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi truyền thống?

1- Sản phẩm và phụ phẩm trồng trọt.

2- Sản phẩm và phụ phẩm thủy sản.

3- Sản phẩm và phụ phẩm công nghiệp chế biến.

4- Các loại sản phẩm tương tự khác.

A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 2, 3. C. 1, 2, 4. D. 1, 2.

Câu 2: Trong các bước sau đây, bước nào không có trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột cho vật nuôi?

1- Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

2- Hạ nhiệt độ, làm khô.

3- Phối trộn nguyên liệu.

4- Lựa chọn nguyên liệu.

5- Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

6- Làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên.

A. 5, 6. B. 2, 6. C. 1, 2, 6. D. 2, 5, 6.

Câu 3: Cho các ý sau, hãy sắp xếp cho đúng quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột cho vật nuôi?

1- Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

2- Hạ nhiệt độ, làm khô.

3- Phối trộn nguyên liệu.

4- Lựa chọn nguyên liệu.

5- Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

6- Làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên.

A. 4→3→1→5.

B. 4→1→3→6→2→5.

C. 4→1→3→5.

D. 4→3→1→6→2→5.

Câu 4: Cho các ý sau, hãy sắp xếp cho đúng quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên cho vật nuôi?

1- Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

2- Hạ nhiệt độ, làm khô.

3- Phối trộn nguyên liệu.

4- Lựa chọn nguyên liệu.

5- Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

6- Làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên.

A. 4→3→1→5.

B. 4→1→3→6→2→5.

C. 4→1→3→5.

D. 4→3→1→6→2→5.

Câu 5: Để chế biến thức chăn nuôi nghèo protein thành thức ăn giàu protein thì sử dụng phương pháp nào?

A. Đường hóa. B. Xử lí kiềm.

C. Ứng dụng công nghệ vi sinh. D. Chế biến trên dây chuyền tự động.

Câu 6: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp gồm mấy bước?

A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 7: Đặc điểm nào **không** phải của thức ăn tinh:

A. Hàm lượng các chất dinh dưỡng cao.

B. Được sử dụng nhiều trong khẩu phần của lợn, gia cầm

C. Chứa hầu hết các chất dinh dưỡng cần thiết cho động vật ăn cỏ

D. Gồm thức ăn giàu năng lượng và thức ăn giàu protein

Câu 8: Loại thức ăn nào mà chất lượng của nó phụ thuộc vào giống cây, điều kiện đất đai, khí hậu, chế độ chăm sóc và thời kì thu cắt?

A. Thức ăn xanh.B. Thức ăn thô.C. Thức ăn tinh.D. Thức ăn hỗn hợp

Câu 9: Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp là gì ?

A. Làm sạch nguyên liệu B. Lựa chọn nguyên liệu chất lượng tốt

C. Cân đo theo tỉ lệ. D. Sấy khô

Câu 10: Phương pháp sử dụng vi sinh vật để chế biến thức ăn gồm mấy bước?

A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 11: Khi nói về cách sản xuất thức ăn chăn nuôi truyền thống. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Ủ với chế phẩm sinh học. (s)

b. Phối trộn các nguyên liệu rồi đóng bao. (s)

c. Xây thành bột hoặc ép thành viên. (s)

d. Sử dụng trực tiếp hoặc phơi khô, nghiền nhỏ. (đ)

Câu 12: Khi nói về các bước của quy trình chế biến thức ăn chăn nuôi bằng dây chuyền tự động. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nghiền nguyên liệu → Phối trộn nguyên liệu → Sấy khô → Ép viên → Đóng bao. (s)

b. Phối trộn nguyên liệu → Nghiền nguyên liệu → Ép viên → Sấy khô → Đóng bao. (s)

c. Phối trộn nguyên liệu → Nghiền nguyên liệu → Sấy khô → Ép viên → Đóng bao. (s)

d. Nghiền nguyên liệu → Phối trộn nguyên liệu → Ép viên → Sấy khô → Đóng bao. (đ)

Câu 13: Khi nói về quy trình của phương pháp ủ chua thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Ủ → Đánh giá chất lượng, sử dụng. (đ)

b. Phơi héo, cắt ngắn → Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Đánh giá chất lượng, sử dụng. (s)

c. Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Phơi héo, cắt ngắn → Đánh giá chất lượng, sử dụng. (s)

d. Đánh giá chất lượng, sử dụng → Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Ủ. (s)

Câu 14: Khi nói về phương pháp vật lí để chế biến thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cắt ngắn, nấu chín, nghiền nhỏ. (đ)

b. Đường hóa, xử lí kiềm, lên men. (s)

c. Nấu chín, đường hóa. (s)

d. Cắt ngắn, nghiền nhỏ, xử lí kiềm. (s)

Câu 15: Khi nói về phương pháp hóa học để chế biến thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cắt ngắn, nấu chín, nghiền nhỏ. (s)

b. Đường hóa, xử lí kiềm. (đ)

c. Lên men, đường hóa. (s)

d. Cắt ngắn, nấu chín. (s)

**BÀI 9: BẢO QUẢN THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Câu 1: Kho bảo quản thức ăn chăn nuôi cần phải

A. có hệ thống đều hòa nhiệt độ. B. bố trí trên hệ thống treo trên cao.

C. thoáng, mát, không chuột, mọt. D. che chắn kỹ, đặt trên nền chuồng.

Câu 2: Bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho, đối với thức ăn đổ rời (thóc, ngô,…), sàn kho phải được

A. xây bằng xi măng. B. đảm bảo đủ ẩm.

C. chắc chắn, không trơn. D. lót bạt chống ẩm.

Câu 3: Bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho, đối với thức ăn đóng bao, các bao thức ăn phải được

A. xếp lên kệ. B. đặt trên nền.

C. treo trên móc. D. mở miệng túi.

Câu 4: Trong nguyên lí bảo quản thức ăn bằng phương pháp làm khô, khi lượng nước trong thức ăn chỉ còn khoảng … sẽ kiềm hãm sự hoạt động của các vi sinh vật.

Điền từ còn thiếu vào chỗ …

A. 5 – 10%. B. 10 – 15%. C. 15 – 20%. D. 20 – 25%.

Câu 5: Vì sao phải đặt ống thông hơi trong bảo quản thức ăn chăn nuôi là thóc, ngô?

A. Hạn chế sự tấn công của chuột, mọt gây hại.

B. Thuận tiện cho việc đổ thức ăn vào kho chứa.

C. Tạo môi trường có nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ môi trường.

D. Thoát không khí tốt, hạn chế nấm mốc gây hại.

Câu 6: Vì sao một số loại enzyme như cellulase, hemicellulase, xylanase và amylase khi trộn vào thức ăn chăn nuôi giúp bảo quản thức ăn chăn nuôi được tốt hơn? Vì tạo môi trường trong thức ăn có độ

A. pH thấp ức chế vi sinh vật gây hỏng thức ăn chăn nuôi.

B. pH cao ức chế vi sinh vật gây hỏng thức ăn chăn nuôi.

C. pH thấp thúc đẩy vi sinh vật gây hỏng thức ăn chăn nuôi.

D. pH cao thúc đẩy vi sinh vật gây hỏng thức ăn chăn nuôi.

Câu 7: Phương pháp bảo quản thức ăn cho bò sữa ở những trang trại chăn nuôi quy mô lớn ở các nước tiên tiến là

A. không cần bảo quản, thu cắt và cho vật nuôi ăn.

B. thức ăn được ủ chua và lên men trong kho silo.

C. phơi khô hoặc sấy khô thức ăn để vào nhà kho.

D. thức ăn chăn nuôi được đóng bao để vào nhà kho.

Câu 8: Khi bảo quản thức ăn chăn nuôi đóng bao cần lưu ý vấn đề gì?

A. Xếp lên kệ B. Lót bạc chống ẩm C. Đặt thông hơi D. Kê sát tường

Câu 9: Để bảo quản rơm làm thức ăn cho trâu, bò bằng kiềm hóa và làm khô thì được thực hiện qua mấy bước?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 10: Công nghệ nào sau đây được xem là công nghệ cao đã ứng dụng vào bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Làm khô B. Kiềm hóa C. Kho silo D. Đóng bao

Câu 11: Khi nói về quá trình bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng silo. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Quy trình bảo quản gồm 3 bước (s)

b. Quy trình bảo quản gồm 4 bước (s)

c. Quy trình bảo quản gồm 5 bước (đ)

d. Quy trình bảo quản gồm 6 bước (s)

Câu 12: Khi nói về chất bảo quản có nguồn gốc sinh học được sử dụng trong ủ chua để hỗ trợ quá trình lên men cho thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Là nước vôi (s)

b. Là nước muối (s)

c. Là nước ép trái cây (s)

d. Là enzyme Cellulase (đ)

Câu 13: Khi nói về khái niệm bảo quản thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Thức đẩy nhanh quá trình giảm chất lượng thức ăn trong một khoảng thời gian nhất định. (đ)

b. Ngăn chăn quá trình giảm chất lượng, số lượng thức ăn trong khoảng thời gian nhất định. (s)

c. Làm chậm quá trình hư hỏng của thức ăn chăn nuôi trong một khoảng thời gian nhất định. (s)

d. Ngăn chặn kịp thời sự tấn công của các sinh vật gây hại làm hỏng thức ăn chăn nuôi. (s)

Câu 14: Khi nói về ý nghĩa của bảo quản thức ăn chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Hạn chế sự phá hoại của gặm nhấm. (s)

b. Làm giảm quá trình oxy hóa của protein. (đ)

c. Ngăn chặn sự phát triển của các loại vi khuẩn. (s)

d. Kìm hãm sự phát triển của nấm mốc gây hại. (s)

Câu 15: Khi nói về nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng silo. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Dễ bị ẩm (s)

b. Chi phí đầu tư cao (đ)

c. Tốn nhiều diện tích (s)

d. Dễ bị côn trùng phá hoại (s)

**CHƯƠNG IV: PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

**BÀI 11: VAI TRÒ CỦA PHÒNG, TRỊ BỆNH TRONG CHĂN NUÔI**

Câu 1: Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để định nghĩa về bệnh?

A. Bệnh là sự rối loạn hoạt động chức năng bình thường của cơ thể vật nuôi do tác động của các yếu tố gây bệnh khác nhau.

B. Bệnh là hiện tượng xảy ra ở cơ thể vật nuôi khi có tồn tại các yếu tố gây bệnh khác nhau.

C. Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện ho, sốt, còi cọc, chậm lớn.

D. Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện kém ăn, bỏ ăn.

Câu 2: Đối với sức khoẻ cộng đồng, phòng, trị bệnh tốt sẽ:

A. Giúp cho mọi người không bao giờ phải lưu tâm về chất lượng của đồ ăn thức uống.

B. Giúp tạo ra hệ sinh thái lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần bao trùm lên cả cộng đồng.

C. Giúp cung cấp nguồn thực phẩm an toàn và bổ dưỡng, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo sức khoẻ cộng đồng.

D. Giúp tăng chi phí trị bệnh và chống dịch .

Câu 3: Đâu là nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi?

A. Tiêm vaccine B. Vệ sinh chuồng trại

C. Môi trường chuồng trại quá nóng D. Nền chuồng quá khô

Câu 4: Bệnh nào dưới đây có thể lây lan nhanh thành dịch?

A. Bệnh giun đũa B. Bệnh cúm gia cầm.

C. Bệnh ghẻ. D. Bệnh viêm khớp.

Câu 5: Vì sao làm tốt công tác phòng và trị bệnh cho vật nuôi có vai trò vô cùng quan trọng?

A. Vì làm vậy, sức khoẻ của con vật sẽ không bị ảnh hưởng và tránh lây bệnh từ vật nuôi sang người.

B. Vì làm vậy sẽ làm ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi.

C. Vì làm vậy sẽ lây bệnh từ vật nuôi sang người.

D. Vì làm vậy sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường.

Câu 6: “Tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi” là tác dụng của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi ở:

A. Vai trò về khoa học B. Vai trò đối với sức khoẻ cộng đồng

C. Vai trò về bảo vệ môi trường D. Vai trò về kinh tế

Câu 7: Thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương vật nuôi không mắc bệnh

A. giảm chi phí chăn nuôi

B. tăng chi phí chữa bệnh làm vật nuôi chậm lớn.

C. tăng chi phí khử trùng.

D. tăng chi phí vệ sinh chuồng nuôi

Câu 8: Đề xuất biện pháp an toàn cho người, vật nuôi và môi trường trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em:

A. Chuồng trại được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt mầm bệnh.

B.Vật nuôi khỏe mạnh, không cần kiểm tra mầm bệnh truyền nhiễm.

C. Thức ăn không cần đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

D. Con giống không cần đảm bảo chất lượng

Câu 9: Có khoảng bao nhiêu bệnh truyền lây chung giữa động vật và người?

A. 80 B. 180 C. 800 D. 1800

Câu 10: Những thập niên gần đây, có khoảng bao nhiêu % số bệnh mới nổi ở người là có liên quan đến động vật?

A. 20% B. 45% C. 75% D. 92%

Câu 11: Khi nói về nguyên nhân chính làm cho các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. do thời tiết không phù hợp. (s)

b. do vi khuẩn và virus. (đ)

c. do thức ăn không đảm bảo vệ sinh. (s)

d. do chuồng trại không phù hợp. (s)

Câu 12: Khi nói về vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Về khoa học: đóng góp những tri thức và kinh nghiệm quý báu cho nghiên cứu về chăn nuôi. (đ)

b. Về kinh tế: giảm chi phí trị bệnh và chống dịch, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi. (s)

c. Đối với sức khoẻ cộng đồng: cung cấp thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và an toàn; ngăn ngừa bệnh lây từ động vật sang người. (s)

d. Về bảo vệ môi trường: giảm nguy cơ tồn tại, phát tán mầm bệnh, giảm sử dụng các biện pháp chống dịch; tăng hiệu quả sử dụng thức ăn và rút ngắn thời gian nuôi. (s)

Câu 13: Khi nói về biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Sử dụng vaccine. (đ)

b. Cho con vật ăn càng nhiều càng tốt. (s)

c. Cho con vật vận động càng nhiều càng tốt. (s)

d. Cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên. (s)

Câu 14: Khi nói về vai trò về kinh tế của việc phòng bệnh tốt trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Tăng sức đề kháng, giảm tỉ lệ mắc bệnh vì cấu trúc gen không bị phá vỡ. (s)

b. Tăng sức đề kháng, giảm tỉ lệ mắc bệnh, giảm chi phí điều trị bệnh và các tổn hại khác do bệnh gây nên. (đ)

c. Đảm bảo sự ổn định của thị trường chăn nuôi trong nước và quốc tế. (s)

d. Đảm bảo sự ổn định thức ăn. (s)

Câu 15: Khi nói về những biểu hiện thực tế phổ biến của vật nuôi mắc bệnh. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nhanh nhẹn, linh hoạt. (s)

b. Bỏ ăn hoặc ăn ít. (đ)

c. Nhanh lớn, đẻ nhiều. (s)

d. Thường xuyên đi lại. (s)

**BÀI 12: MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở LỢN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ**

Câu 1. Nguyên nhân nào gây ra bệnh dịch tả lợn cổ điển?

A. Virus. B. Vi khuẩn. C. Nấm. D. Động vật đơn bào.

Câu 2: Loại lợn thường mẫn cảm với bệnh tai xanh hơn là

A. lợn nái mang thai. B. lợn nái. C. lợn thịt. D. lợn đực giống.

Câu 3: Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng lợn là do

A. vi khuẩn. B. virus. C. nấm. D. động vật đơn bào.

Câu 4: Bệnh tụ huyết trùng lợn phát sinh do mầm bệnh có sẵn trong bộ phận nào của cơ thể lợn?

A. Niêm mạc mũi. B. Dạ dày. C. Ruột. D. Phổi.

Câu 5: Lợn mắc bệnh dịch tả cổ điển và bệnh tai xanh có triệu chứng giống nhau là

A. sốt cao. B. tai chuyển màu xanh tím.

C. da có nhiều điểm xuất huyết. D. ho.

Câu 6: Nhà bác An có một trang trại lợn. Gần đây khi nghe báo đài nói về dịch bệnh tai xanh khiến bác rất lo lắng. Qua tự tìm hiểu Bác An cho rằng nếu mắc bệnh tai xanh thì lợn sẽ có những triệu chứng điển hình sau:

1. Kém ăn hoặc bỏ ăn.

2. Vùng bụng có màu đỏ tím.

3. Ho, khó thở.

4. Da có nhiều điểm xuất huyết.

5. Tai chuyển màu xanh tím.

6. Lợn sốt cao từ 39 0C đến 40 0C.

Theo em, những biểu hiện nào là triệu chứng của bệnh tai xanh ở lợn?

A. 1, 3, 5, 6. B. 2, 3, 4, 5. C. 1, 4, 5, 6. D. 1, 3, 4, 5.

Câu 7: Con vật còn sống sót sau khi bị bệnh dịch tả lợn cổ điển thường:

A. Phát triển nhanh chóng, khoẻ mạnh, có sức đề kháng rất cao.

B. Phát triển nhanh đột biến nhưng chất lượng thịt có thể gây hại cho người tiêu dùng.

###### C. Còi cọc, chậm lớn.

D. Còi cọc, chậm lớn nhưng chất lượng thịt rất tốt.

Câu 8: Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

###### A. Bệnh truyền nhiễm B. Bệnh không truyền nhiễm

C. Bệnh kí sinh trùng D. Bệnh di truyền

Câu 9: Đâu không phải là bệnh ở lợn ?

A. Bệnh dịch tả lợn cổ điển B. Bệnh tai xanh

C. Bệnh tụ huyết trùng lợn D. Bệnh Newcastle

Câu 10: Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

A. Bệnh viêm dạ dày. B. Bệnh giun đũa ở gà.

C. Bệnh ghẻ. D. Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

Câu 11: Khi nói về biện pháp xử lí bệnh dịch tả lợn cổ điển. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

###### a. Dùng thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn cổ điển. (đ)

b. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn. (s)

c. Giữ chuồng trại khô thoáng, lưu thông khí. (s)

d. Vệ sinh khử trùng triệt để khu vực chăn nuôi. (s)

Câu 12: Khi nói về tác nhân gây bệnh tựu huyết trùng ở lợn. Các nhận định sau đây là đúng hay sai ?

a. Vi khuẩn Gram dương *Bacterial crixiopathrix* (s)

###### b. Vi khuẩn Gram dương *Erysipelothrix rhusiopathiae* (s)

c. Vi khuẩn Gram âm *Pasteurella multocida* (đ)

d. Vi khuẩn Gram âm *Erysipelothrix rhusiopathiae* (s)

Câu 13: Khi nói về triệu chứng khác nhau giữa bệnh tai xanh và bệnh tụ huyết trùng ở lợn. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Vùng bụng có màu đỏ tím. (đ)

b. Sốt cao. (s)

c. Khó thở. (s)

d. Bỏ ăn. (s)

Câu 14: Khi nói về bệnh dịch tả lợn cổ điển. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Bệnh truyền nhiễm do virus và vi khuẩn gây ra với mức độ lây lan cao. (s)

###### b. Bệnh truyền nhiễm do virus gây ra với mức độ lây lan rất nhanh. (đ)

c. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở tuổi trưởng thành. (s)

d. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở mọi độ tuổi. (s)

Câu 15: Khi nói về virus gây bệnh dịch tả lợn cổ điển. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. RNA virus, thuộc họ *Rubivirata* (s)

b. RNA virus, thuộc họ *Camaviridae* (s)

c. RNA virus, thuộc họ *Picornavirata* (s)

d. RNA virus, thuộc họ *Flaviviridae* (đ)

**BÀI 13: MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHỔ BIẾN Ở GIA CẦM VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỊ**

Câu 1: Bệnh cúm gia cầm có thời gian ủ bệnh bao lâu?

A. Từ 6 đến 7 ngày. B. Từ 10 ngày trở lên.

C. Từ 4 đến 6 ngày. D. Từ vài giờ đến vài ngày.

Câu 2: Tuỳ thuộc vào tuổi gà, loài và số lượng cầu trùng, bệnh cầu trùng gà có 3 thể là:

A. Rắn, lỏng, khí. B. Cấp tính, mạn tính và ẩn tính.

C. Vô bội, đơn bội, đa bội. D. Khít, lỏng lẻo, tách rời nhau.

Câu 3: Thời kì ủ bệnh của bệnh cầu trùng gà kéo dài?

A. Từ 1 – 2 ngày. B. Từ 2 – 4 ngày.

C. Từ 4 – 6 ngày. D. Từ 6 – 10 ngày.

Câu 4: Biểu hiện của bệnh cầu trùng gà chủ yếu ở?

A. Đường hô hấp. B. Lưng và cánh. C. Đường tiêu hoá. D. Trên da.

Câu 5: Cầu trùng gà là bệnh?

A. Kí sinh trùng. B. Truyền nhiễm.

C. Sinh sản. D. Nội khoa.

Câu 6: Gà ở độ tuổi nào có nguy cơ nhiễm bệnh cầu trùng gà cao nhất?

A. Gà từ 6 đến 60 ngày tuổi. B. Gà từ 30 đến 180 ngày tuổi.

C. Gà hơn 6 tháng tuổi. D. Gà hơn 12 tháng tuổi.

Câu 7: Vì sao bệnh cầu trùng gà rất nguy hiểm đối với ngành chăn nuôi gia cầm?

A. Vì nó có thể làm cho giống gà đó suy giảm về tính chất, thậm chí là tuyệt chủng.

B. Vì nó có thể lây lan rộng và gây thiệt hại lớn về kinh tế.

C. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang người và khiến người bị nhiễm chết nhanh chóng.

D. Vì nó là một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất ở gia cầm.

Câu 8: Biện pháp nào dưới đây có góp phần bảo vệ môi trường nhiều nhất?

A. Dùng bảo hộ lao động đầy đủ.

B. Không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kĩ.

C. Định kì khám sức khoẻ cho người tham gia chăn nuôi.

D. Quản lí chất thải đúng cách.

Câu 9: Cần làm gì khi phát hiện vật nuôi bị bệnh cúm gia cầm?

A. Giết mổ và bán. B. Mua thuốc về điều trị.

C. Báo cho cán bộ thú y. D. Tiêm vacxin.

Câu 10: Loại bệnh nào có thể điều trị được bằng thuốc đặc trị?

A. Bệnh cầu trùng gà. B. Bệnh cúm gia cầm.

C. Bệnh cầu trùng và cúm gia cầm. D. Dịch tả lợn.

Câu 11: Khi nói về bệnh cúm gia cầm. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất ở gia cầm. (đ)

b. một trong những bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm nhất ở gia cầm. (s)

c. một trong những bệnh kí sinh trùng nguy hiểm nhất ở gia cầm. (s)

d. một trong những bệnh kí sinh trùng ít nguy hiểm nhất ở gia cầm. (s)

Câu 12: Khi nói về nguyên nhân gây bệnh cúm gia cầm. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Do virus cúm nhóm A thuộc họ *Orthomyxoviridae*. (đ)

b. Do trùng bào tử hình cầu họ *Eimeria*. (s)

c. Do vi khuẩn *E.coli*. (s)

d. Do vi khuẩn *Erysipelothrix rhusiopathiae*. (s)

Câu 13: Khi nói về biện pháp góp phần bảo vệ môi trường trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh gia cầm. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nuôi dưỡng đúng cách. (s)

b. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại. (đ)

c. Dùng bảo hộ lao động đầy đủ. (s)

d. Không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kĩ. (s)

Câu 14: Khi nói về biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Sã cánh, mắt nhắm nghiền, bỏ ăn. (s)

b. Con vật gầy rộc, thiếu máu. (s)

c. Da chân có xuấy huyết đỏ. (đ)

d. Da nhợt nhạt, xù lông. (s)

Câu 15: Khi nói về nguồn lây nhiễm rất nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm. Các nhân định sau đây là đúng hay sai?

a. Người từ vùng khác đến. (s)

b. Các loài chim hoang dã. (đ)

c. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu. (s)

d. Con người. (s)

## **BÀI 14: MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở TRÂU, BÒ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ**

Câu 1: Bệnh lở mồm long móng do tác nhân nào gây ra?

A. Vi khuẩn. B. Virus. C. Vi nấm. D. Động vật nguyên sinh.

Câu 2: Bệnh lở mồm, long móng gây hại ở những động vật nào sau đây?

A. Trâu, bò, dê, lợn. B. Trâu, bò, gà, vịt.

C. Trâu, bò, chó, mèo. D. Gia súc, gia cầm.

Câu 3: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

A. Vi khuẩn Gram dương Pasteurella

B. Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan

C. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella

D. Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan

Câu 4: Thuốc kháng sinh dùng để trị bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là:

A. Tetracycline, Sulfamethazine, Tiamulin.

B. Kanamycin, Neomycin, Gentamycin, Norfloxacin, Marbofloxacin.

C. Streptomycin, Tetracyclin, Neoteosol.

D. Chưa có thuốc kháng sinh đặc trị bệnh tụ huyết trùng trâu, bò.

Câu 5: Triệu chứng bệnh lở mồm, long móng là gì?

A. Xuất huyết ở các bề mặt niêm mạc, mỡ bụng. Xuất huyết và hoại tử tuyến tụy.

B. Ủ rũ, vận động chậm, bỏ ăn, chảy nhiều nước mũi, nước dãi, liệt chân, ngoẹo cổ.

C. Gây tụ huyết từng mảng và xuất huyết ở một số vùng như niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.

D. Chảy nước mũi, nước bọt, móng bị nứt.

Câu 6: Đâu không phải biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu bò?

A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày

B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42 °C, đi lại khó khăn

C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm; chảy nước mắt, nước mũi

D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy

Câu 7: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò có đặc điểm gì?

A. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường khô thoáng, ít chất hữu cơ và nhiều ánh sáng.

B. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường đất ẩm ướt, nhiều chất hữu cơ và thiếu ánh sáng.

C. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, khó bị tiêu diệt trong môi trường thông thường.

D. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, dễ bị tiêu diệt bởi các loại thuốc sát trùng thông thường

Câu 8: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò thường xảy ra vào thời gian nào?

A. Mùa xuân B. Mùa khô C. Mùa mưa D. Quanh năm

Câu 9: Người ta thường áp dụng những biện pháp nào để phòng trị lở mồm, long móng cho trâu, bò?

I. Khai báo đầy đủ, kịp thời khi có dịch hay nghi có dịch.

II. Thực hiện vệ sinh, tiêu độc chuồng trại đúng quy trình, cách li triệt để gia súc bị bệnh, điều trị tích cực, đảm bảo cách li trước khi tái nhập đàn.

III. Tiêm phòng vaccine đầy đủ theo khuyến cáo của cơ quan thú y và theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

IV. Sử dụng kháng sinh tăng sức đề kháng cho trâu, bò.

A. I, II, III, IV B. I, II, III C. I, II, IV D. I, III, IV

Câu 10: Điều nào sau đây là sai khi nói về biện pháp phòng, trị bệnh lở mồm, long móng?

A. Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại đúng quy trình, cách li triệt để gia súc bị bệnh, điều trị tích cực, đảm bảo cách li trước khi tái nhập đàn.

B. Cấm mua bán, xuất nhập trâu, bò trong vùng có dịch.

C. Khi phát hiện vật nuôi bị bệnh cần điều trị sớm bằng kháng sinh đặc trị và thuốc trợ lực.

D. Tiêm phòng vaccine đầy đủ theo khuyến cáo của cơ quan thú y và hướng dẫn cảu nhà sản xuất.

Câu 11: Khi nói về các biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống. (s)

b. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. (s)

c. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim. (đ)

d. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lí và điều trị bệnh. (s)

Câu 12: Khi nói về biện pháp thường áp dụng để trị bệnh lở mồm, long móng cho trâu, bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Khi vật nuôi bị bệnh, tiến hành tiêu huỷ theo quy định an toàn sinh học. (đ)

b. Khi phát hiện gia súc bệnh, kịp thời báo cho thú y địa phương. (s)

c. Phát hiện sớm bệnh và điều trị bằng thuốc kháng sinh. (s)

d. Kết hợp tiêm thuốc trợ tim, trợ sức. (s)

Câu 13: Khi nói về biện pháp quan trọng nhất để phòng bệnh lở mồm, long móng ở trâu, bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cấm mua bán, xuất nhập trâu, bò trong vùng có dịch. (s)

b. Tiêm phòng vaccine đầy đủ. (đ)

c. Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại đúng quy định. (s)

d. Vật nuôi bị chết phải chôn sâu, xa khu dân cư, xa nguồn nước sinh hoạt, xa khu vực chăn nuôi. (s)

Câu 14: Khi nói về biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống. (đ)

b. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. (đ)

c. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim. (s)

d. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lí và điều trị bệnh. (đ)

Câu 15: Khi nói về đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết (s)

b. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể (đ)

c. Gây xuất huyết ở mọi bộ phân trên cơ thể (s)

d. Con vật bị rối loạn thần kinh (s)

**BÀI 15: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

**TRONG PHÒNG TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

Câu 1: Ý nào sau đây nói về vaccine DNA tái tổ hợp?

A. Vaccine DNA tái tổ hợp chỉ mang thông tin di truyền cần thiết.

B. Việc sản xuất thường tốn nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn

C. Chứa mầm bệnh đã bị làm yếu hoặc bất hoạt

D. Có thể gây nguy hiểm cho vật nuôi khi tiêm

Câu 2: Ý nào sau đây đúng khi nói về quy trình sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp

A. Tìm DNA chứa gen mã hóa kháng nguyên 🡪 cắt gen mã hóa kháng nguyên 🡪 mở vòng plasmid 🡪 nối gen mã hóa kháng nguyên vào plasmid

B. Mở vòng plasmid 🡪 cắt gen mã hóa kháng nguyên 🡪 tìm DNA chứa gen mã hóa kháng nguyên 🡪 nối gen mã hóa kháng nguyên vào plasmid

C. Tìm DNA chứa gen mã hóa kháng nguyên 🡪 nối gen mã hóa kháng nguyên vào plasmid 🡪 mở vòng plasmid 🡪 cắt gen mã hóa kháng nguyên

D. Mở vòng plasmid 🡪 tìm DNA chứa gen mã hóa kháng nguyên 🡪 nối gen mã hóa kháng nguyên vào plasmid 🡪 cắt gen mã hóa kháng nguyên

Câu 3: Cho các ý sau:

(1) Chứa vi khuẩn đã bị làm yếu

(2) Chỉ chứa thông tin tạo ra kháng nguyên

(3) Có thể sản xuất trên quy mô lớn

(4) Không an toàn cho vật nuôi

(5) Không chứa mầm bệnh

Ý đúng khi nói về vaccine DNA tái tổ hợp gồm các ý nào?

A. (2), (3), (5) B. (1), (3), (4) C. (1), (3), (5) D. (2), (3), (4)

Câu 4: Gen mã hóa kháng nguyên được lấy từ đâu?

A. Từ vi khuẩn, vi rút gây bệnh (mầm bệnh) B. Từ vật nuôi

C. Từ động vật bất kỳ D. Từ con người

Câu 5: Bước thứ 3 trong quy trình ứng dụng CNSH phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi là bước nào sau đây?

A. Tổng hợp cDNA từ RNA nhờ quá trình phiên mã ngược

B. Tách chiết RNA

C. Khuếch đại cDNA bằng phản ứng PCR

D. Điện di kiểm tra sản phẩm PCR

Câu 6: Bước thứ 2 trong quy trình ứng dụng CNSH phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi là bước nào sau đây?

A. Tách chiết RNA

B. Tổng hợp cDNA từ RNA nhờ quá trình phiên mã ngược

C. Khuếch đại cDNA bằng phản ứng PCR

D. Điện di kiểm tra sản phẩm PCR

Câu 7: Bước thứ 4 trong quy trình ứng dụng CNSH phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi là bước nào sau đây?

A. Khuếch đại cDNA bằng phản ứng PCR

B. Tổng hợp cDNA từ RNA nhờ quá trình phiên mã ngược

C. Tách chiết RNA

D. Điện di kiểm tra sản phẩm PCR

Câu 8: Thời gian ủ bệnh ở vật nuôi là gì?

A. Là thời gian vật nuôi đã nhiễm virus nhưng chưa phát bệnh.

B. Là thời gian biểu hiện bệnh của vật nuôi

C. Là thời gian bệnh phát sinh thành dịch

D. Là thời gian virus bắt đầu xâm nhập vào cơ thể vật nuôi

Câu 9. Đối tượng nào không được sử dụng để sản xuất kháng sinh?

A. virus B. vi khuẩn C. xạ khuẩn D. nấm mốc

Câu 10: Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khoẻ của con vật nữa

B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn

C. Giúp vật nuôi trở nên khoẻ mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

D. Giúp vật nuôi tăng trọng lượng nhanh, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

Câu 11: Khi nói về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh (đ)

b. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp (đ)

c. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn (s)

d. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển (s)

Câu 12: Khi nói về nguồn kháng nguyên được sử dụng để sản xuất vaccine bằng công nghệ mới. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. mầm bệnh (VSV hoàn chỉnh) (s)

b. nucleic acid của mầm bệnh (đ)

c. đoạn gene của mầm bệnh (đ)

d. protein của mầm bệnh (đ)

Câu 13: Khi nói về ứng dụng CNSH trong phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Tiến hành đơn giản và dễ thực hiện (s)

b. Nâng cao hiệu quả phòng trị bệnh (đ)

c. Hạn chế bùng phát thành dịch (đ)

d. Giảm thiểu tổn thất cho người chăn nuôi (đ)

Câu 14: Khi nói về vaccine DNA tái tổ hợp. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Việc sản xuất ít tốn nhiều thời gian. (s)

b. Có độ an toàn cao (đ)

c. Quy trình tạo vaccine nhanh (đ)

d. Ít tốn kém và đơn giản (đ)

Câu 15: Khi nói về ưu điểm của việc sản xuất vaccine bằng công nghệ mới. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. tạo vaccine giá thành thấp (đ)

b. vaccine có đáp ứng miễn dịch tốt (đ)

c. vaccine có độ đồng đều cao do sản xuất đồng loạt (đ)

d. việc sản xuất vaccine bị chậm lại (s)

**CHƯƠNG V: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**BÀI 16: CHUỒNG NUÔI VÀ BIỆN PHÁP VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI**

Câu 1: Ý nào sau đây đúng khi nói về vị trí chuồng nuôi?

A. Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, gần khu dân cư, xa đường giao thông.

B. Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông.

C. Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi gần sông suối, gần khu dân cư, xa đường giao thông.

D. Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, gần khu dân cư, gần nhà ở.

Câu 2: Xây dựng chuồng nuôi theo hướng nào để đón gió mát và ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng?

A. Hướng đông bắc. B. Hướng tây bắc hoặc nam.

C. Hướng nam hoặc đông nam. D. Hướng đông hoặc đông nam.

Câu 3: Nhược điểm của chuồng hở là

A. Khó kiểm soát khí hậu, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên

B. Yêu cầu hệ thống điện, nước hiện đại.

C.  Chi phí đầu tư lớn.

D. Chỉ phù hợp với quy mô chăn nuôi công nghiệp.

Câu 4: Chuồng kín có nhược điểm như thế nào?

A. Chi phí đầu tư thấp; cần hệ thống điện, nước hện đại; ảnh hưởng tới việc đối xử nhân đạo với vật nuôi.

B. Chi phí đầu tư lớn; cần hệ thống điện, nước hện đại; giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.

C. Chi phí đầu tư thấp, không cần hệ thống điện, nước hện đại; ảnh hưởng tới việc đối xử nhân đạo với vật nuôi.

D. Chi phí đầu tư lớn; cần hệ thống điện, nước hện đại; ảnh hưởng tới việc đối xử nhân đạo với vật nuôi.

Câu 5: Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của vệ sinh trong chăn nuôi?

A. Phòng ngừa dịch bệnh xảy ra. B. Bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

C. Quản lí tốt đàn vật nuôi. D. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

Câu 6: Câu nào sau đây không đúng về kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?

A. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.

B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.

C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.

D. Khi thời tiết thuận lợi, chuồng được vận hành như chuồng kín. Khi thời tiết không thuận lợi (nắng nóng, rét,...), chuồng được vận hành như chuồng hở.

Câu 7: Vì sao lại nên xây chuồng theo hướng nam hoặc hướng đông – nam?

A. Để hợp phong thủy.

B. Để ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng.

C. Để dễ dàng chăn nuôi hơn.

D. Để thuận lợi mua bán.

Câu 8: Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu:

A. chuồng kín hai dãy.

B. chuồng hở có một hoặc hai dãy.

C. chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.

D. phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy.

Câu 9: Câu nào sau đây không đúng về kiểu chuồng hở?

A. Chuồng được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt.

B. Kiểu chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường.

C. Kiểu chuồng này có chi phí đầu tư thấp hơn chuồng kín.

D. Kiểu chuồng này khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh.

Câu 10: Khi xây dựng chuồng nuôi yêu cầu về mặt bằng xây dựng như thế nào là phù hợp?

A. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (khách sạn, nhà hàng, sân golf, bể bơi,...)

B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)

C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.

D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian, diện tích cho từng đối tượng.

Câu 11: Khi nói về các yêu cầu xây dựng chuồng nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chia khu riêng biệt: nhà trực, khu cách li, khu làm việc của nhân viên kĩ thuật, nhà kho, khu chế biến thức ăn, khu chăn nuôi, khu vệ sinh khử trùng, khu thay quần áo cho công nhân, khu xử lí chất thải,... (đ)

b. Thiết kế chuồng: phù hợp với từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và thuận tiện trong nuôi dưỡng, chăm sóc. (đ)

c. Dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi: đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi và từng giai đoạn sinh trưởng. Trang thiết bị chăn nuôi phải đảm bảo hiệu quả, an toàn và dễ vệ sinh. (đ)

d. Hệ thống xử lí chất thải: chỉ cần làm tối giản, đủ để loại bỏ một số chất độc hại, chất thải chăn nuôi ít gây hại cho môi trường. (s)

Câu 12: Khi nói đến yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chọn nơi có giao thông thuận tiện (s)

b. Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...(s)

c. Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi (s)

d. Chọn nơi có giao thông thuận tiện, vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học. (đ)

Câu 13: Khi nói về phân loại thành “chuồng lợn nái hậu bị, chuồng lợn nái đẻ, chuồng gà thịt,…”. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Phân loại theo đối tượng vật nuôi (s)

b. Phân loại Theo giai đoạn sinh trưởng (đ)

c. Theo quy mô chăn nuôi (s)

d. Tất cả các đáp án trên (s)

Câu 14: Khi nói về yêu cầu khi làm mái chuồng. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Làm cao 3 – 4 m để đảm bảo thông thoáng. (đ)

b. Mái nên sử dụng vật liệu cách nhiệt (tôn lạnh, tôn kẽm,...) giúp chống nóng. (đ)

c. Mái có độ dốc 30 – 40% để tránh đọng nước. (đ)

d. Ưu tiên làm kiểu 3 mái. (s)

Câu 15: Khi nói về kiểu chuồng hở. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chuồng được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt. (đ)

b. Kiểu chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường. (s)

c. Kiểu chuồng này có chi phí đầu tư thấp hơn chuồng kín. (đ)

d. Kiểu chuồng này khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh. (đ)

**BÀI 17: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI**

Câu 1: Mật độ ổ đẻ phù hợp cho gà đẻ trứng?

A. 3 gà mái/1 ổ đẻ B. 4 gà mái/1 ổ đẻ

C. 5 gà mái/1 ổ đẻ D. 6 gà mái/1 ổ đẻ

Câu 2: Mật độ nuôi gà đẻ trứng phù hợp là:

A. 2-2,5 con/m2 B. 3-3,5 con/m2

C. 4-4,5 con/m2 D. 5-5,5 con/m2

Câu 3: Nhiệt độ chuồng nuôi gà đẻ trứng phù hợp là:

A. 15-180C B. 18-250C

C. 25-300C D. 30-350C

Câu 4: Lượng thức ăn hàng ngày của lợn được tính theo yếu tố nào sau đây?

A. Giai đoạn phát triển B. Khối lượng cơ thể

C. Hình thức chăn thả D. Cấu trúc chuồng nuôi

Câu 5: Lợn giai đoạn dưới 30 kg cho ăn mấy bữa trong ngày?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 6: Lợn giai đoạn trên 30 kg cho ăn mấy bữa trong ngày?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7: Loại nào sau đây là thức ăn tinh cho trâu bò?

A. Bã bia, cám hỗn hợp. B. Cỏ trồng, khoai lang.

C. Urea, đá liếm D. Thức ăn ủ chua, bầu bí.

Câu 8: Loại nào sau đây là thức ăn bổ sung cho trâu bò?

A. Bã bia, cám hỗn hợp. B. Cỏ trồng, khoai lang.

C. Urea, đá liếm D. Thức ăn ủ chua, bầu bí.

Câu 9: Thức ăn cho bò sữa chia làm mấy nhóm?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 10: Thành phần dinh dưỡng của gà đẻ trứng cần lưu ý điểm nào?

A. Hàm lượng protein cao B. Hàm lượng calcium cao

C. Hàm lượng lipid cao D. Hàm lượng glucose cao

Câu 11: Khi nói về thức ăn thô cho trâu bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Bã bia, cám hỗn hợp. (s)

b. Cỏ trồng, khoai lang. (đ)

c. Urea, hạt ngũ cốc. (s)

d. Thức ăn ủ chua, đá liếm. (s)

Câu 12: Khi nói về đặc điểm của chuồng nuôi lợn thịt tiên tiến. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nền đất kết hợp lớp độn chuồng (s)

b. Nền xi măng kết hợp lớp độn chuồng (đ)

c. Nền gỗ kết hợp lớp độn chuồng (s)

d. Nền tôn kết hợp với chất độn chuồng (s)

Câu 13: Khi nói về yếu tố gây stress cho bò. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Yếu tố ngoại cảnh (đ)

b. Thức ăn hàng ngày (s)

c. Thái độ người nuôi (s)

d. Thời gian, thiết bị vắt sữa (s)

Câu 14: Khi nói về nguồn thức ăn bổ sung cancium cho gà đẻ. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Vỏ tôm (đ)

b. Các loại hạt (s)

c. Vỏ trứng (đ)

d. Bột xương (đ)

Câu 15: Khi nói về quá trình chăm sóc vật nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Thường xuyên vệ sinh máng ăn, máng uống sạch sẽ. (đ)

b. Lượng nước uống hàng ngày cố định. (s)

c. Thường xuyên quan sát đàn vật nuôi. (đ)

d. Chú ý cường độ và liều lượng chiếu sáng. (đ)

**BÀI 18: CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP**

Câu 1: Quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP gồm mấy bước ?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 2: Vị trí xây dựng trang trại chăn nuôi phải cách xa khu dân cư và đường giao thông tối thiểu bao nhiêu mét ?

A. 50m B. 70m C. 100m D. 120m

Câu 3: Bước 1 trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì ?

A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi B. Chuẩn bị con giống

C. Nuôi dưỡng và chăm sóc D. Quản lí dịch bệnh

Câu 4: Bước 2 trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì ?

A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi B. Chuẩn bị con giống

C. Nuôi dưỡng và chăm sóc D. Quản lí dịch bệnh

Câu 5: Bước 3 trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì ?

A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi B. Chuẩn bị con giống

C. Nuôi dưỡng và chăm sóc D. Quản lí dịch bệnh

Câu 6: Bước 4 trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì ?

A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi B. Chuẩn bị con giống

C. Nuôi dưỡng và chăm sóc D. Quản lí dịch bệnh

Câu 7: Bước 5 trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì ?

A. Quản lí dịch bệnh

B. Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường

C. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc

D. Kiểm tra nội bộ

Câu 8: Số lần chủ trang trại phải tiến hành kiểm tra nội bộ trong 1 năm là:

A. ít nhất mỗi năm 1 lần B. ít nhất mỗi năm 2 lần

C. ít nhất mỗi năm 3 lần D. ít nhất mỗi năm 4 lần

Câu 9: Con giống được quản lí theo phương thức nào ?

A. Cùng vào – cùng ra B. Cùng vào – cùng vào

C. Cùng ra – cùng ra D. Ra vào tự do

Câu 10: Trước và sau mỗi đợt nuôi phải để trống chuồng bao nhiêu ngày rồi mới nuôi lứa mới ?

A. 5 ngày B. 10 ngày C. 15 ngày D. 20 ngày

Câu 11: Khi nói về VietGAP chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Là hướng dẫn người dân chăn nuôi đạt năng suất cao. (s)

b. Là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam (đ)

c. Là chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP (s)

d. Là hướng dẫn nông dân trồng cây gì nuôi con gì cho hiệu quả (s)

Câu 12: Khi nói đến yêu cầu về con giống trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Có nguồn gốc rõ ràng (đ)

b. Được tiêm vaccine đầy đủ theo quy định (đ)

c. Áp dụng phương thức quản lí cùng vào – cùng ra (đ)

d. Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng (s)

Câu 13: Khi nói về lợi ích của chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. (đ)

b. Đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng. (đ)

c. Bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. (đ)

d. Đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, không truy xuất rõ nguồn gốc sản phẩm. (s)

Câu 14: Khi nói về biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn vật nuôi. (đ)

b. Không cần thường xuyên theo dõi sức khỏe vật nuôi. (s)

c. Phòng, trị bệnh đúng quy trình (đ)

d. Có hồ sơ theo dõi diễn biến dịch, nguyên nhân phát sinh, thuốc phòng và điều trị vật nuôi. (đ)

Câu 15: Khi nói về quản lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Không sử dụng thức ăn có hóa chất, kháng sinh nằm trong danh mục cấm. (s)

b. Chất thải rắn phải được thu gom hằng ngày, chuyển đến nơi tập trung xử lí. (đ)

c. Chất thải lỏng có thể xử lí bằng phương pháp sinh học. (đ)

d. Chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lí bằng đường thoát riêng. (đ)

**BÀI 19 CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO**

Câu 1: Chăn nuôi công nghệ cao là

A. mô hình chăn nuôi được áp dụng tại nhà.

B. mô hình chăn nuôi dành cho gia cầm.

C. mô hình chăn nuôi kết hợp nhiều công nghệ hiện đại, tiên tiến

D. mô hình chăn nuôi trang trại vật nuôi.

Câu 2: Chăn nuôi công nghệ cao có thể áp dụng với những loại vật nuôi nào?

A. những loại vật nuôi như bò sữa, gà, lợn…

B. những loại vật nuôi như chó, mèo, vịt…

C. những loại vật nuôi như chó, gà lấy thịt.

D. những loại vật nuôi như bò, mèo, cá…

Câu 3: Trong chăn nuôi lợn công nghệ cao, công nghệ nào được ứng dụng trong xây dựng kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu tự động và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi như hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống?

A. Công nghệ AI

B. Công nghệ HyperFrame

C. Công nghệ cơ khí tự động hoá

D. Công nghệ chuồng nuôi tự động

Câu 4: Đâu **không** phải công nghệ cao trong chăn nuôi

A. Mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động.

B. Mô hình sử dụng robot trong chăn nuôi bò.

C. Mô hình chăn nuôi gà thả vườn.

D. Mô hình chăn nuôi bò sữa gắn chip.

Câu 5: Trong chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao, các thông tin về tiểu khí hậu chuồng nuôi (nhiệt độ, độ ẩm, bụi,...), thông tin về đàn lợn (giống, tình trạng sức khoẻ, năng suất, dịch bệnh,...) được giám sát nhờ:

A. Hệ thống camera và hệ thống khử trùng tự động

B. Hệ thống camera và các thiết bị cảm biến trong chuồng nuôi

C. Hệ thống cách âm và hệ thống khử trùng tự động

D. Hệ thống máy tính và hệ thống quạt gió

Câu 6: Đâu **không** phải là hoạt động của mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động?

A. Các robot tách các trứng dập, trứng vỡ, trứng bẩn, trứng không bình thường ra khỏi hệ thống.

B. Trứng đạt yêu cầu sẽ được diệt khuẩn, phân thành các nhóm to, vừa, nhỏ,... in thông tin về ngày gà đẻ, hạn dùng lên vỏ trứng, đóng hộp, chuyển về kho và đưa đi tiêu thụ.

C. Hệ thống còn lưu trữ trứng các trứng dập, trứng vỡ, trứng bẩn, trứng không bình thường in thông tin về ngày gà đẻ, hạn dùng lên vỏ trứng, đóng hộp, chuyển về kho và đưa đi tiêu thụ.

D. Hệ thống còn lưu trữ và cung cấp thông tin về số lượng, chất lượng trứng của từng cá thể, từng ô chuồng, từng dãy, từng nhà gà để người chăn nuôi kịp thời điều chỉnh khi có sự cố.

Câu 7: Việc sử dụng robot trong chăn nuôi có ý nghĩa gì?

A. Các loại robot cho phép làm việc ổn định, bền bỉ, liên tục trong thời gian dài, giúp nâng cao sản lượng đầu ra, đáp ứng với yêu cầu thời gian sản xuất đơn hàng

B. Tăng đáng kể các chi phí vận hành trực tiếp như chi phí đào tạo, sức khỏe, an toàn, quản lý nhân công, giảm chi phí thuê lao động chân tay.

C. Tạo việc làm cho con người tham gia vào những điều kiện môi trường làm việc khắc nghiệt, nguy hiểm, độc hại.

D. Tiết kiệm không gian cho những khu vực sản xuất đất đỏ, chật hẹp và giúp tăng thời gian đáng kể.

Câu 8: Mô tả hoạt động của robot cho ăn tự động trong chăn nuôi bò sữa?

A. Robot nhận thức ăn từ kho và di chuyển đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đổi hướng hoặc dừng lại ngay khi gặp phải chướng ngại vật.

B. Robot nhận thức ăn từ con người và di chuyển cùng con người đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn.

C. Robot nhận thức ăn từ kho và di chuyển đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đi qua thu gom rác thải.

D. Robot di chuyển đến từng ô chuồng bò để lấy sản phẩm. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đổi hướng hoặc dừng lại ngay khi gặp phải chướng ngại vật.

Câu 9: Câu nào sau đây **không** đúng về nguyên lí hoạt động của hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn?

A. Thức ăn được bảo quản trong silo. Các silo được kết nối với hệ thống cân điện tử để giám sát lượng thức ăn cấp vào và lấy ra hằng ngày cũng như lượng thức ăn tồn trong silo.

###### B. Thức ăn từ máng thức ăn theo hệ thống đường truyền vật tải, xích tải đến hộp định lượng silo ở cuối đường truyền. Hộp nhận silo được gắn cảm biến, giúp định lượng thức ăn cho lợn theo hạn mức cài đặt.

C. Thức ăn được cấp từ hộp định lượng xuống máng ăn.

D. Hệ thống này sử dụng cho thức ăn khô, dạng viên và dạng bột.

Câu 10: Việc sử dụng robot trong chăn nuôi có ý nghĩa gì?

A. Các loại robot cho phép làm việc ổn định, bền bỉ, liên tục trong thời gian dài, giúp nâng cao sản lượng đầu ra, đáp ứng với yêu cầu thời gian sản xuất đơn hàng

B. Tăng đáng kể các chi phí vận hành trực tiếp như chi phí đào tạo, sức khỏe, an toàn, quản lý nhân công, giảm chi phí thuê lao động chân tay.

C. Tạo việc làm cho con người tham gia vào những điều kiện môi trường làm việc khắc nghiệt, nguy hiểm, độc hại.

D. Tiết kiệm không gian cho những khu vực sản xuất đất đỏ, chật hẹp và giúp tăng thời gian đáng kể.

Câu 11: Khi nói về nguyên lí hoạt động của hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

###### a. Khởi động hệ thống cảm biến để tạo ra luồng khí CO2 kích hoạt quá trình hút sữa. (s)

b. Đưa bò vào nhà vắt sữa, mỗi con bò có một chíp cảm biến ở cổ giúp hệ thống nhận diện và thu thập thông tin cá nhân, bỏ sữa được vệ sinh bầu vú trước khi vắt sữa. (đ)

c. Gắn các đầu núm hút sữa vào vú bò, sữa sau khi vắt sẽ được thu gom qua hệ thống ống dẫn vào các bồn chứa lạnh để bảo quản, sữa từ bồn chứa lạnh sẽ được bơm vào các xe bồn lạnh và được vận chuyển tới nhà máy chế biến. (đ)

d. Khi phát hiện bò hết sữa, thiết bị sẽ tự tách cụm núm hút sữa ra và kết thúc quá trình vắt sữa. (đ)

Câu 12: Khi nói về chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chuồng nuôi được lợp mái tôn kẽm hoặc tôn lạnh cách nhiệt. (đ)

b. Một đầu dãy chuồng có hệ thống giàn lạnh gồm các tấm làm mát, nước chảy trong hệ thống này giúp không khí được làm mát trước khi đi vào chuồng. (đ)

###### c. Đầu kia của dãy chuồng được bố trí hệ thống quạt gió công nghiệp để thổi khí nóng, O2 trong chuồng ra ngoài. (s)

d. Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động giúp duy trì nhiệt độ chuồng nuôi luôn ổn định ở mức 20-27°C. (đ)

Câu 13: Khi nói về hoạt động của robot cho ăn tự động trong chăn nuôi bò sữa. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Robot nhận thức ăn từ kho và di chuyển đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đổi hướng hoặc dừng lại ngay khi gặp phải chướng ngại vật. (đ)

b. Robot nhận thức ăn từ con người và di chuyển cùng con người đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn. (s)

c. Robot nhận thức ăn từ kho và di chuyển đến từng ô chuồng bò để “rải” thức ăn. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đi qua thu gom rác thải. (s)

d. Robot di chuyển đến từng ô chuồng bò để lấy sản phẩm. Do được trang bị máy dò va chạm, robot sẽ đổi hướng hoặc dừng lại ngay khi gặp phải chướng ngại vật. (s)

Câu 14: Khi nói về ý nghĩa của việc sử dụng chip điện tử trong chăn nuôi lợn nái. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. lợn nái mang thai được nuôi theo chuồng, ăn uống và sinh hoạt có kiểm soát, đảm bảo việc đối xử nhân đạo với vật nuôi. (s)

b. lợn nái mang thai được nuôi theo nhóm, ăn uống và sinh hoạt theo giai đoạn,có bác sĩ thú y theo dõi hàng ngày. (s)

c. lợn nái mang thai được nuôi từng con trong chuồng, ăn uống và sinh hoạt thoải mái, đảm bảo việc đối xử nhân đạo với vật nuôi. (s)

d. lợn nái mang thai được nuôi theo nhóm, được tự do đi lại, ăn uống và sinh hoạt thoải mái, đảm bảo việc đối xử nhân đạo với vật nuôi. (đ)

Câu 15: Khi nói về chuồng nuôi bò sữa áp dụng công nghệ cao. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

###### a. Bò sữa được nuôi trong hệ thống chuồng nửa kín nửa hở năm dãy có hệ thống thay đổi tiểu khí hậu chuồng nuôi. (s)

b. Hệ thống làm mát tự động được lập trình dựa vào các cảm biến khí hậu trong và ngoài chuồng nuôi. (đ)

c. Mỗi con bò được gắn chíp điện tử để kiểm soát tình trạng sức khoẻ, phát hiện động dục ở bò cái. (đ)

d. Khu vực vắt sữa tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn. (đ)

**BÀI 20: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CHĂN NUÔI**

Câu 1: Bảo quản sản phẩm chăn nuôi bằng cách hạ nhiệt độ sản phẩm thấp hơn nhiệt độ môi trường nhưng lớn hơn nhiệt độ đóng băng của nước là công nghệ

A. bảo quản lạnh. B. bảo quản lạnh đông.

C. xử lí nhiệt độ cao. D. khử nước.

Câu 2: Dưới đây là các bước tiến hành trong quy trình bảo quản sữa tươi bằng phương pháp tiệt trùng:

(1) Nâng nhiệt độ của sữa lên 125oC đến 140oC, thời gian từ 3 đến 20 giây

(2) Bảo quản ở nhiệt độ phòng

(3) Hạ nhiệt độ của sữa xuống 15oC đến 20oC và tiến hành đóng gói

(4) Tiến hành sơ chế, tiêu chuẩn hoa

Trình tự đúng các bước là

A. (1) 🡪 (2) 🡪 (3) 🡪 (4). B. (4) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (2).

C. (4) 🡪 (2) 🡪 (3) 🡪 (1). D. (3) 🡪 (2) 🡪 (4) 🡪 (1).

Câu 3: Trong quy trình thanh trùng sữa tươi, khoảng nhiệt độ và thời gian phù hợp để tiến hành thanh trùng là bao nhiêu?

A. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

B. Nhiệt độ từ 125 🡪 140oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

C. Nhiệt độ từ 15 🡪 20oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

D. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

Câu 4: Dưới đây là các bước tiến hành trong quy trình bảo quản sữa tươi bằng phương pháp tiệt trùng:

(1) Cho nguyên liệu đã chín vào hộp, bài khí, ghép mí

(2) Làm sạch, tách da, bỏ xương, làm nhỏ; bổ sung phụ gia và gia vị

(3) Hạ nhiệt độ xuống khoảng 18 – 20oC, dán nhãn, đóng thùng và bảo quản

(4) Xử lí hộp bằng nhiệt độ khoảng 100 - 121oC trong khoảng 15 phút

(5) Làm chín nguyên liệu bằng các biện pháp phù hợp

Trình tự đúng các bước là

A. (1) 🡪 (2) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (5). B. (1) 🡪 (2) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (3).

C. (2) 🡪 (5) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (3). D. (2) 🡪 (5) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (1).

Câu 5: Cho các sản phẩm sau: thịt hộp, sữa chua, sữa tươi thanh trùng, sữa tươi tiệt tùng, bơ sữa tươi, nem chua. Có bao nhiêu trường hợp là sản phẩm chế biến?

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 6: Trong quy trình chế biến sữa lên men, có công đoạn đóng nắp, tiếp theo công đoạn này là gì?

A. Chuẩn bị nguyên liêu: sữa tươi, sữa thanh trùng, sữa tiệt trùng, men giống.

B. Phối trộn: sữa : men = 9 : 1.

C. Chiết rót vào hộp đã chuẩn bị.

D. Ủ (42 trong lhoangr 6 🡪 8 giờ).

Câu 7: Loại sữa nào dưới đây có thời gian bảo quản ngắn nhất?

A. Sữa tươi tiệt trùng. B. Sữa tươi thanh trùng.

C. Sữa tươi bảo quản lạnh thông thường. D. Sữa đặc có đường.

Câu 8: Cho các công nghệ bảo quản sản phẩm chăn nuôi: công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ bảo quản lạnh đông, công nghệ xử lí nhiệt độ cao. Điểm khác nhau của 3 công nghệ này là

(1) Dùng nhiệt độ để tác động đến hoạt động của vi sinh vật và quá trình sinh hóa trong sản phẩm.

(2) Dùng nhiệt độ để ức chế hoạt động của vi sinh vật, quá trình sinh hóa trong sản phẩm.

(3) Giới hạn nhiệt độ sử dụng để bảo quản.

(4) Thời gian bảo quản sản phẩm.

A. (1), (2). B. (3), (4). C. (1), (4). D. (2), (3).

Câu 9: Cho các sản phẩm sau: thịt hộp, sữa chua, bơ sữa, nem chua. Có mấy sản phẩm chế biến có sự tham gia của vi sinh vật?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10: Sản phẩm nào dưới đây chưa qua quá trình chế biến?

A. Trứng muối. B. Phô mai. C. Xúc xích. D. Sữa tươi tiệt trùng.

Câu 11: Khi nói về chế biến sản phẩm chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Thịt đông lạnh. (s)

b. Pate. (đ)

c. Thịt nướng. (đ)

d. Chả cá. (đ)

Câu 12: Khi nói về hoạt động chế biến sản phẩm chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Sản phẩm chăn nuôi sau khi được chế biến sẽ kéo dài được thời gian bảo quản. (đ)

b. Sản phẩm chăn nuôi sau khi qua chế biến sẽ giữ được nguyên hương vị ban đầu. (s)

c. Từ 1 sản phẩm chăn nuôi có thể chế biến ra nhiều sản phảm khác nhau. (đ)

d. Có thể dùng nhiệt độ hoặc hoạt động của vi sinh vật để chế biến sản phẩm chăn nuôi. (đ)

Câu 13: Sản phẩm chăn nuôi được bảo quản theo công nghệ bảo quản lạnh đông. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. trứng, sữa. (s)

b. thịt, cá. (đ)

c. trứng, thịt. (s)

d. sữa, cá. (s)

Câu 14: Khi nói về tác động của nhiệt độ trong hoạt động bảo quản sản phẩm chăn nuôi Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nhiệt độ thấp ức chế hoạt động sống của vi sinh vật, làm chậm quá trình sinh hóa trong sản phẩm. (đ)

b. Nhiệt độ thấp ức chế hoạt động sống của vi sinh vật, làm nhanh quá trình sinh hóa trong sản phẩm. (s)

c. Nhiệt độ cao ở mức nhất định sẽ ức chế hoặc ngừng các quá trình sinh hóa và hoạt động của vi sinh vật. (s)

d. Nhiệt độ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của vi sinh vật, đến quá trình sinh hóa của sản phẩm. (s)

Câu 15: Khi nói về tác dụng của việc dùng nhiệt độ cao trong quy trình công nghệ chế biến thịt hộp. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Làm biến tính protein. (đ)

b. Thay đổi tính chất vật lí của sản phẩm. (đ)

c. Tạo ra sản phẩm có hương vị mới. (đ)

d. Giữ nguyên hương vị ban đầu của sản phẩm. (s)

**CHƯƠNG VI: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI**

**BÀI 21: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI**

Câu 1: Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi không bao gồm:

A. Chất thải của vật nuôi B. Thức ăn thừa, bao bì đựng thức ăn

C. Xác vật nuôi vứt bừa bãi. D. Xác thực vật được ủ.

Câu 2: Vật nuôi nếu bị chết do nhiều nguyên nhân khác nhau cần:

A. Xử lí và tiêu hủy đúng quy định B. Dùng làm thức ăn

C. Vứt xuống sông, ra đường. D. Đem chôn qua loa.

Câu 3: Chất thải chăn nuôi, thức ăn thừa…. nếu không được xử lí đúng quy định sẽ:

A. Dùng tái sử dụng. B. Gây ô nhiễm môi trường nước và không khí

C. Tự phân hủy D. Ảnh hưởng đến nơi ở của vật nuôi

Câu 4: Vì sao chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi có thể làm tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh?

A. Vì có chứa nhiều chất hữu cơ B. Vì chứa nhiều kim loại nặng.

C. Vì chứa nhiều Vi sinh vật gây hại D. Vì chứa các chất gây ô nhiễm.

Câu 5: Có bao nhiêu biện pháp sau đây giúp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi?

(1). Quy hoạch khu chăn nuôi và xây dựng hệ thống chuồng trại tốt

(2). Một độ và diện tích chuồng phù hợp

(3). Áp dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi

(4). Chú ý công tác vệ sinh, khử trùng chuồng trại

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6: Khi quy hoạch khu chăn nuôi cần phải đảm bảo:

A. Xa khu dân cư B. Gần đường giao thông chính

C. Gần nguồn nước sinh hoạt D. Gần trung tâm thương mại.

Câu 7: Ý nghĩa của việc quy hoạch khu chăn nuôi xa khu dân cư và đường giao thông chính là:

A. Hạn chế lây lan dịch bệnh, ảnh hưởng xấu đến môi trường.

B. Dễ dàng chăm sóc quản lý vật nuôi

C. Tránh các tác động vật lý đến vật nuôi

D. Tránh cho vật nuôi bị bạo hành.

Câu 8: Mật độ chăn nuôi ảnh hưởng trực tiếp đến:

A. Không gian sống của vật nuôi B. Nguy cơ ô nhiễm môi trường

C. Khả năng quản lý chăm sóc D. Khả năng cung cấp sản phẩm ra thị trường

Câu 9: Khi tính toán số lượng gia súc, gia cầm cho trang trại cần chú ý đến bao nhiêu yếu tố sau đây?

(1) Loài (2) Giống (3) Diện tích

(4) Cơ sở hạ tầng (5) Hệ thống thu gom xử lí chất thải (6) Điều kiện kinh tế

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng về công tác vệ sinh, khử trùng chuồng trại?

A. Cần thu gom, vận chuyển chất thải chăn nuôi ra khỏi chuồng trại định kỳ

B. Cần thu gom, vận chuyển chất thải chăn nuôi ra khỏi chuồng trại thường xuyên

C. Cần thu gom, vận chuyển chất thải chăn nuôi vào một góc, lâu lâu xử lý 1 lần

D. Cần thu gom, vận chuyển chất thải chăn nuôi vào một nơi riêng gần chuồng nuôi

Câu 11: Khi nói về tác dụng của công nghệ biogas trong xử lí chất thải chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Khí sinh học (CH4) làm nhiên liệu trong sinh hoạt, sản xuất (đ)

b. Bã thải được dùng làm phân bón cho cây trồng (đ)

c. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi (s)

d. Nước thải sau khi xử lí dùng làm nước tưới cho cây trồng (đ)

Câu 12: Khi nói về việc bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chăn nuôi cung cấp thực phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người và nguyên liệu cho một số ngành nghề khác, đóng góp vào GDP của đất nước. (s)

b. Sản xuất chăn nuôi phát thải nhiều khí gây hiệu ứng nhà kính, gây biến đổi khí hậu toàn cầu. (đ)

c. Người chăn nuôi có trình độ cao, có khả năng ứng dụng khoa học kĩ thuật vào chăn nuôi. (s)

d. Chất thải chăn nuôi chứa nhiều thành phần gây ô nhiễm môi trường và lan truyền dịch bệnh nguy hiểm, ảnh hưởng đến sức khoẻ của vật nuôi và con người. (đ)

Câu 13: Khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học phổ biến trong xử lí chất thải chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Xây dựng chuồng trại, vệ sinh chăn nuôi (s)

b. Chăn nuôi tiết kiệm nước (s)

c. Sử dụng công nghệ biogas (đ)

d. Nuôi động vật khác làm thức ăn cho vật nuôi (s)

Câu 14: Khi nói về biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai ?

a. Quy hoạch khu chăn nuôi và xây dựng hệ thống chuồng trại tốt (đ)

b. Mật độ và diện tích chuồng nuôi phù hợp (đ)

c. Thực hiện tốt công tác vệ sinh, khử trùng chuồng trại (đ)

d. Chuyển đổi phương thức chăn nuôi để tối ưu hóa năng suất bằng cách cho vật nuôi ăn nhiều thức ăn. (s)

Câu 15: Khi nói về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. Các nhận định sau đây là đúng hay sai ?

a. Chất thải chăn nuôi xử lí không đúng cách (đ)

b. Xác vật nuôi xử lí không đúng qui định. (đ)

c. Xác vật nuôi được thu gom, xử lí đúng qui định (s)

d. Phân, nước tiểu của vật nuôi được thu gom, xử lí đúng qui định (s)

**BÀI 22: XỬ LÍ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

### Câu 1: Quy trình khí sinh học và hố sinh học là

### A. Ủ, chất hữu cơ phân hủy nhờ hoạt động lên men của vi sinh vật.

### B. Lên men kị khí để phân giải chất hữu cơ thành khí sinh học.

### C. Đốt chất thải rắn có độ an toàn dịch bệnh cao, đẩm bảo diệt được cả bào tử của vi khuẩn.

### D. Kĩ thuật tách khí bằng cách chất hấp thụ thể lỏng, thể rắn và hóa lỏng khí.

### Câu 2: Phương pháp đơn giản, ít tốn kém, dễ áp dụng trong các biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi là.

A. Khí sinh học (Biogas) và hố sinh học. B. Ủ phân compost.

C. Xử lí nhiệt. D. Lọc khí thải.

### Câu 3: Trong ứng dụng CNSH để giảm thiểu phát sinh chất thải chăn nuôi công nghệ sản xuất các enzyme là

### A. làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn và làm giảm lượng chất thải từ vật nuôi.

### B. làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn và tăng lượng chất thải từ vật nuôi.

### C. làm giảm hiệu quả tiêu hóa thức ăn và làm tăng lượng chất thải từ vật nuôi.

### D. Để sản xuất sinh khối, làm giảm lượng nitrogen thải ra môi trường.

### Câu 4: Áp dụng chăn nuôi có đệm lót sinh vật là để

### A. Giảm mùi hôi thối, giảm lượng vật nuôi.B. Giảm mùi hôi thối, tăng lượng vật nuôi.

### C. Gảm ruồi muỗi, tăng lượng vật nuôi.D. Giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi.

### Câu 5: Để giảm thiểu phát sinh chất thải chăn nuôi chúng ta cần:

### 1. sản xuất chế phẩm sinh học.

### 2. chế phẩm enyme có chức năng nâng cao tỉ lệ tiêu hóa thức ăn và làm giảm lượng phát sinh chất thải.

### 3. cân đối khẩu phần ăn ủ chua để giảm sinh khí methane từ lên men dạ cỏ.

### Hãy chọn phương án đúng

### A. 1, 2. B. 1, 3. C. 2, 3. D. 1, 2, 3.

### Câu 6: Vai trò của công nghệ khí sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi

### 1. làm chất đốt, chạy máy phát điện, làm phân bón.

### 2. làm chất độn chuồng trong chăn nuôi.

### 3. làm lò hơi, lò sưởi, các ngành công nghiệp cần nhiệt.

4. tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh cho con người và vật nuôi.

Có bao nhiêu phương án đúng

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7: Trong các chất thải sau:

1. Nước tắm cho gia súc.

2. Phân và nước tiểu của gia súc.

3. Thức ăn dư thừa của vật nuôi.

4. Rác thải từ trồng trọt.

5. Khí thải từ vật nuôi.

Có bao nhiêu loại chất thải chăn nuôi?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 8: Đâu là biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi?

1. Khí sinh học (Biogas) và hố sinh học.

2. Ủ phân compost.

3. Trồng cây luân canh.

4. Xử lí nhiệt.

5. Lọc khí thải.

A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 2, 3, 5. C. 1, 2, 4, 5. D. 1, 3, 4, 5.

Câu 9: Vai trò của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải vào bảo vệ môi trường:

1. Nâng cao hiệu quả và đẩy nhanh quá trình phân hủy chất hữu cơ trong chất thải.

2. Giảm được chất thải ra môi trường.

3. Tiêu diệt được các mầm bệnh.

4. Giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi.

Có bao nhiêu phương án đúng?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10: Biogas (khí sinh học) là loại chất đốt mà người dân có thể tự sản xuất và sử dụng để đun nấu ở nhiều vùng nông thôn. Theo em, người dân ở nông thôn thu khí biogas từ hoạt động nào?

A. Khai thác dầu mỏ. B. Khai thác than đá.

C. Ủ phân, ủ rác thải. D. Chế biến gỗ.

Câu 11: Khi nói về lợi ích mà việc xử lý chất thải bằng công nghệ biogas mang tới. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Cung cấp nhiên liệu cho đun nấu hoặc phát điện. (đ)

b. Dùng làm phân bón. (d)

c. Nước thải sau xử lý có thể dùng cho ao nuôi cá hoặc tưới cây. (đ)

d. Tiết kiệm được nhân công do không cần tắm rửa cho vật nuôi. (s)

Câu 12: Khi nói về giải pháp phù hợp có thể áp dụng để xử lí chất thải chăn nuôi trong hệ thống chăn nuôi nhỏ hộ gia đình. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Khí sinh học (Biogas) và hố sinh học. (đ)

b. Ủ phân compost. (đ)

c. Thu gom chất thải hữu cơ chăn nuôi. (đ)

d. Lọc khí thải (s)

Câu 13: Khi nói về lợi ích của công nghệ biogas. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Hệ thống biogas tạo ra một dạng khí giống khí gas tự nhiên, có thể dùng làm xăng xe. (đ)

b. Phần lắng cặn được sử dụng làm phân bón. (đ)

c. Nước thải sau xử lí có thể sử dụng cho ao nuôi cá hoặc tưới cây. (đ)

d. Sử dụng công nghệ biogas giúp bảo vệ môi trường hiệu quả. (s)

Câu 14: Khi nói về việc ủ phân hữu cơ bằng chế phẩm sinh học. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Sử dụng chế phẩm sinh học xử lí chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ vi sinh là một phương pháp cổ xưa, mặc dù hiện nay ít dùng nhưng vẫn rất hiệu quả. (s)

b. Chế phẩm sinh học sẽ giúp phân giải nhanh chất thải thành phân hữu cơ, cung cấp dinh dưỡng cho cây và cải tạo đất. (đ)

c. Phân sau khi ủ có thể sử dụng để sản xuất phân vi sinh, phân hữu cơ khoáng,... (đ)

d. Sử dụng chế phẩm sinh học giúp tăng cường hệ vi sinh vật có ích trong đất, đồng thời các vi sinh vật trong chế phẩm còn giúp phòng một số bệnh do nấm, tuyến trùng, gây hại cho cây trồng. (đ)

Câu 15: Khi nói về vai trò của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải vào bảo vệ môi trường. Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Nâng cao hiệu quả và đẩy nhanh quá trình phân hủy chất hữu cơ trong chất thải. (đ)

b. Tăng được chất thải ra môi trường. (s)

c. Tiêu diệt được các mầm bệnh. (đ)

d. Giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi. (đ)